BÁO CÁO

MÃ HOẠT ĐỘNG: EU-1

"TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ CHIẾN LƯỢC VIỆN TRỢ THƯƠNG MẠI CỦA KHỐI"

Tháng 4/2014

Soạn thảo bởi: ***Ông Claudio Dordi và ông Marius Bordalba***

Tài liệu này được soạn thảo với sự hỗ trợ về tài chính từ Ủy ban châu Âu. Tài liệu thể hiện quan điểm của tác giả và không ảnh hưởng đến quyết định chính thức của Ủy ban cũng như Bộ Công Thương

MỤC LỤC

1. PHẦN GIỚI THIỆU 1

2. CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CHUNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU 3

2.1. Giới thiệu 3

2.2. Đặc thù pháp lý của Liên minh châu Âu – EU với tư cách là bên tham gia xây dựng chính sách thương mại quốc tế 3

2.3. Đưa các vấn đề phi thương mại vào chính sách thương mại của EU 3

2.4. Chính sách thương mại đa phương của Liên minh châu Âu 4

2.5. CCP ở cấp song phương và khu vực 5

2.6. Các nội dung chính trong một FTA và RTA của EU 6

2.7. FTA Việt Nam-EU: Tác động đối với Việt Nam 10

2.8. Chính sách thương mại đơn phương của Liên minh châu Âu 11

2.9. Quá trình ra quyết định về CCP và thể chế có liên quan 13

3. CHÍNH SÁCH NGÀNH 14

3.1. Quy chuẩn và các biện pháp vệ sinh an toàn và kiểm dịch động thực vật 14

3.2. Chính sách thương mại trong nông nghiệp 21

3.3. Dệt may 22

3.4. Sản phẩm hóa chất 22

3.5. Sản phẩm công nghệ thông tin (IT) 23

3.6. Dịch vụ 24

3.7. Quyền sở hữu trí tuệ 25

3.8. Tác động của các chính sách ngành tới Việt Nam 26

4. KHÍA CẠNH PHÁT TRIỂN TRONG CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CHUNG CỦA EU 27

TỪ VIẾT TẮT

ACP	Các nước châu Phi, Ca-ri-bê và Thái Bình Dương
AFT	Viện trợ cho thương mại
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
BIP	Trạm kiểm tra biên giới
CAP	Chính sách Nông nghiệp chung
CCP	Chính sách Thương mại chung
CETA	Hiệp định kinh tế thương mại toàn diện (giữa EU & Canada)
CVED	Quy định về cấp giấy phép nhập khẩu và lưu thông tại EU
COREPER	Uỷ ban đại diện thường trực
CTP	Uỷ ban Chính sách Thương mại (Hội đồng châu Âu)
DCFTA	Hiệp định thương mại toàn diện và sâu sắc
DDA	Vòng đàm phán Đôha
DG	Các Tổng vụ tại Ủy ban châu Âu
DG Trade	Tổng vụ Thương mại tại Ủy ban châu Âu
EBA	Mọi thứ trừ vũ khí (Chương trình ưu đãi cho các nước kém phát triển)
ECJ	Toà án tư pháp châu Âu
EEC	Cộng đồng Kinh tế châu Âu
EFSA	Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu
EPA	Hiệp định Đối tác Kinh tế (giữa EU & ACP)
EU	Liên minh châu Âu
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - châu Âu
FTA	Hiệp định thương mại tự do
FVO	Văn phòng Thực phẩm và Thú y
GATS	Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ (WTO)
GI	Chỉ dẫn Địa lý
GMO	Sinh vật biến đổi gen
GSP	Chương trình ưu đãi Thuế quan phổ cập

ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
INTA committee	Uỷ ban Thương mại quốc tế của Nghị viện châu Âu
IP	Sở hữu Trí tuệ
IPPC	Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế
IPR	Quyền sở hữu Trí tuệ
ISP	Nhà cung cấp Dịch vụ Internet
LDC	Nước kém phát triển
MEP	Nghị sĩ
NGO	Tổ chức Phi chính phủ
NS	Sản phẩm không nhạy cảm
NTB	Hàng rào phi thuế quan
OIE	Tổ chức Thú y Thế giới (Văn phòng quốc tế des Epizooties)
RASFF	Hệ thống cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn gia súc
RTA	Hiệp định thương mại khu vực
S	Sản phẩm nhạy cảm
SEDP	Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội
SPS	An toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
TBT	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại
TEC	Hội đồng Kinh tế xuyên Đại Tây Dương
TEU	Hiệp ước về Liên minh châu Âu
TFEU	Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu
TPP	Hiệp ước đối tác xuyên Thái Bình Dương
TRA	Hỗ trợ liên quan đến thương mại
TREATI	Sáng kiến Thương mại xuyên khu vực giữa EU & ASEAN
TTIP	Hiệp ước đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương
WIPO	Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới
WCO	Tổ chức Hải quan thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

1. PHẦN GIỚI THIỆU

Liên minh châu Âu gồm **28 quốc gia độc lập** đã ký kết một hiệp ước quốc tế nhằm hình thành và trao cho Liên minh này c**ác quyền siêu quốc gia**. Điều này có nghĩa là nước thành viên trao cho các cơ quan EU quyền lập pháp trong những lĩnh vực cụ thể và áp dụng pháp luật này theo trật tự pháp lý của mỗi nước thành viên.

Luật châu Âu có nguồn gốc từ pháp luật cơ bản và văn bản dưới luật án lệ cũng là một nguồn quan trọng để diễn giải luật cơ bản và văn bản dưới luật của EU.

Pháp luật cơ bản cụ thể gồm các hiệp ước và những hiệp định khác có vị thế như nhau. Luật pháp cơ bản được thống nhất thông qua đàm phán trực tiếp giữa chính phủ các nước thành viên. Những hiệp ước hiện nay về Liên minh châu Âu và chức năng của Liên minh đã trải qua một số lần sửa đổi và thông qua các "Nghị định thư" của các hiệp ước này: đó là Hiệp ước Rome (1957), Đạo luật chung châu Âu (1987), Hiệp ước về Liên minh châu Âu 'Hiệp ước Maastricht' (1992), Hiệp ước Amsterdam (1997), và Hiệp ước Nice (2001).

Văn bản dưới luật là quy định của Liên minh châu Âu được thực hiện thông qua các cơ quan của Liên minh, trên cơ sở thẩm quyền trao cho các cơ quan này. Văn bản dưới luật gồm:

- **Quy định** – có tính ràng buộc ở mọi nước thành viên
- **Chỉ thị** - có tính ràng buộc về kết quả đạt được nhưng các nước thành viên có thể lựa chọn phương thức thực thi
- **Quyết định** – có tính ràng buộc đối với những nước mà quyết định đề cập
- **Khuyến nghị** - không có tính ràng buộc

Án lệ là phán quyết của các tòa EU trong các vụ việc cụ thể, nêu ra các diễn giải đối với những hiệp ước và văn bản dưới luật. Mặc dù mỗi phán quyết chỉ có tính ràng buộc đối với các bên liên quan, nhưng các diễn giải này thường được đưa ra sau khi cân nhắc nghiêm túc và đóng góp vào sự hiểu biết chung về luật EU.

Luật EU áp dụng với mọi nước thành viên và đối tượng thuộc quyền kiểm soát của luật. Trong trường hợp có xung đột giữa luật quốc gia với luật EU, sẽ áp dụng luật EU. Đây là **quyền tối cao của luật EU**. Ngoài ra, luật EU thâm nhập trực tiếp vào trật tự pháp lý của các nước thành viên EU. Luật được cơ quan quản lý hành chính (như hải quan) và tòa quốc gia của các nước thành viên EU áp dụng trực tiếp. Đây là nguyên tắc **áp dụng trực tiếp.**

- Hiệp ước ECSC ký tại Paris năm 1951, nhóm các nước Pháp, Đức, Ý, và các nước Benelux lập thành một Cộng đồng nhằm thúc đẩy sự di chuyển tự do với sản phẩm than và thép cũng như việc tiếp cận tự do các nguồn sản xuất.
- Cộng đồng Kinh tế châu Âu hoặc viết tắt là EEC được hình thành năm 1957 bởi Hiệp ước Rome. Đây là tên chính thức đầu tiên của EU cho tới khi có Hiệp ước Maastricht.
- Hiệp ước Maastricht có hiệu lực vào ngày 1/11/1993. Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC) sau đó được đổi tên thành Cộng đồng châu Âu hay viết tắt là EC.
- Với việc đưa vào hiệu lực Hiệp ước Lisbon từ ngày 1/12/2009, Cộng đồng châu Âu và các "trụ cột" khác đã thực sự hòa nhập vào Liên minh châu Âu, với đặc thù pháp lý và dấu ấn cho sự hội nhập châu Âu.

Các nước thành viên EU

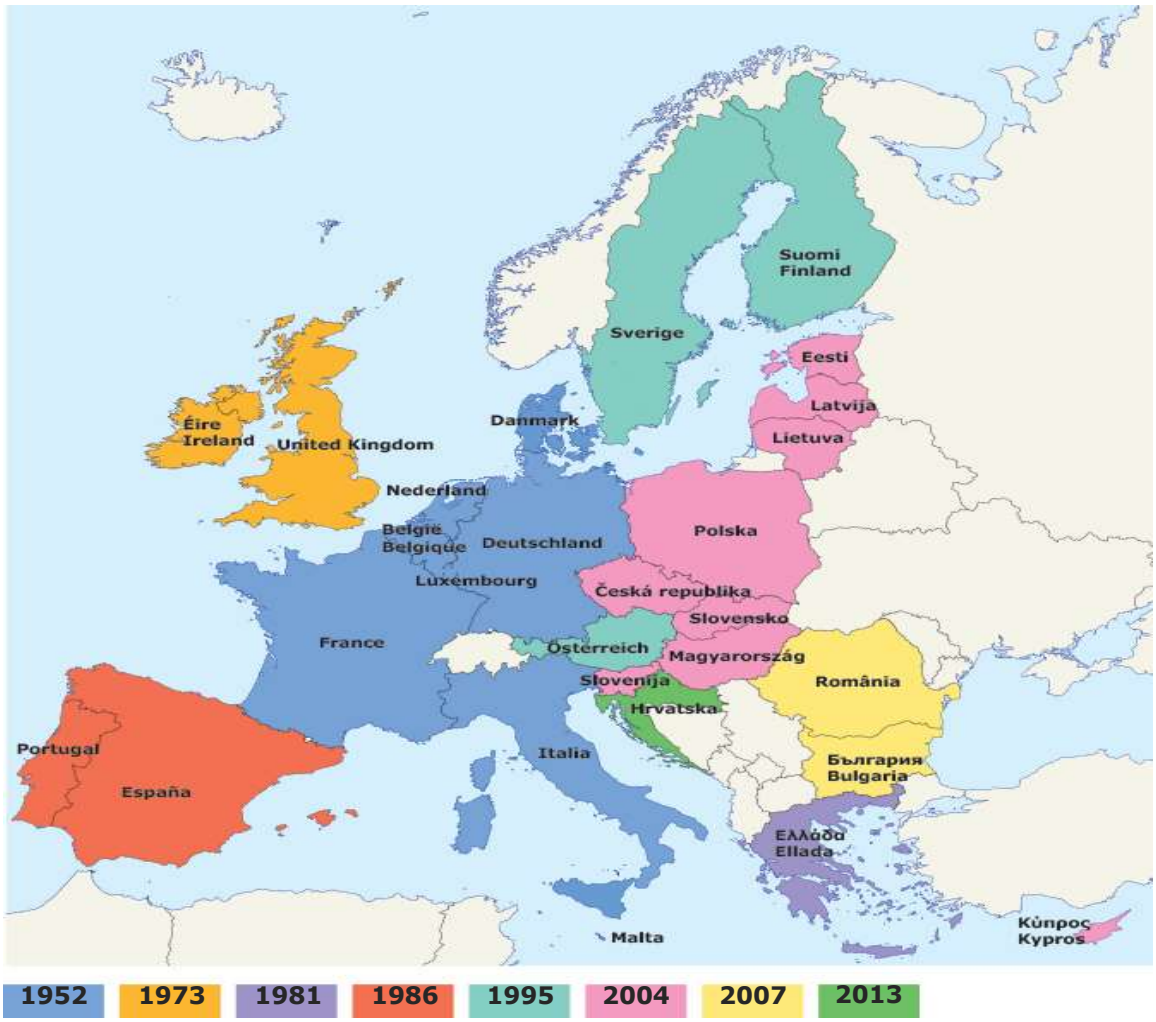

2. CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CHUNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU

2.1. Giới thiệu

Chính sách thương mại chung (CCP) là một trong những trụ cột chính trong quan hệ của Liên minh châu Âu với các nước khác trên thế giới. Đây là một lĩnh vực không thể thiếu trong thẩm quyền của Liên minh (Điều 3 của Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu (TFEU)), nghĩa là chỉ EU, chứ không phải bất cứ quốc gia thành viên đơn lẻ nào, có thể ban hành luật về những vấn đề thương mại và ký kết các hiệp định thương mại quốc tế. CCP ám chỉ việc thực hiện đồng bộ quan hệ thương mại với các nước thứ ba, nhất là thông qua các phương tiện thuế quan chung và quy chế xuất nhập khẩu chung (với một thuế suất chung áp dụng với bên ngoài) và phạm vi của chính sách này được xác định tại Điều 207 của Hiệp ước TFEU, bao gồm:

- Thay đổi về thuế suất
- Ký kết các hiệp định về thuế quan và thương mại liên quan đến thương mại hàng hóa và dịch vụ, cũng như các khía cạnh thương mại của sở hữu trí tuệ, đầu tư trực tiếp nước ngoài, đạt được sự đồng bộ trong các biện pháp tự do hóa, chính sách xuất khẩu và các biện pháp bảo hộ thương mại như những biện pháp áp dụng trong trường hợp bán phá giá hoặc trợ cấp
- Chính sách thương mại chung phải được thực thi theo những nguyên tắc và mục tiêu của chính sách đối ngoại của Liên minh.

Trong quan hệ quốc tế của mình, EU ủng hộ "thương mại tự do công bằng" (Điều 3.5 của Hiệp định TEU).

2.2. Đặc thù pháp lý của Liên minh châu Âu – EU với tư cách là bên tham gia xây dựng chính sách thương mại quốc tế

EU có đặc thù pháp lý, cụ thể là khối này có tư cách pháp lý để đàm phán và ký kết các hiệp định quốc tế có tính ràng buộc với mọi nước thành viên trong khối thông qua quá trình xây dựng quy tắc tổ chức nội bộ.

Trên thực tế, đặc thù pháp lý của EU, gắn với thực tế là EU là một liên minh hải quan và có thẩm quyền theo chính sách thương mại chung, nghĩa là EU có thể là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) với vai trò là một thực thể, và EU có thể ký kết các hiệp định thương mại tự do với các bên thứ ba. Với năng lực này, EU, đại diện cho một thị trường 500 triệu dân và là nhà sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hàng đầu trên thế giới, có năng lực xây dựng chính sách thương mại ảnh hưởng mạnh tới quan hệ thương mại quốc tế ở cả cấp độ song phương, khu vực và đa phương. Bên cạnh đó, những hành động đơn phương và quy định nội khối của EU cũng đề ra điều kiện cho việc tiếp cận thị trường trong lãnh thổ hải quan của khối, và với ưu thế trong thị trường toàn cầu như vậy, sẽ gây ảnh hưởng lớn tới thương mại.

2.3. Đưa các vấn đề phi thương mại vào chính sách thương mại của EU

Hiệp ước TFEU đã chuyển hóa CCP vào chính sách đối ngoại của EU. Điều này gắn với định hướng mục tiêu mới của tự do hóa thương mại, phải theo đuổi cả những mục tiêu thương mại lẫn phi thương mại. Thực tế, các nguyên tắc chung của chính sách đối ngoại của EU được đề ra trong Điều 3(5) của Hiệp ước về Liên minh châu Âu (TEU):

> "*Trong quan hệ với thế giới, Liên minh sẽ duy trì và phát huy các giá trị và lợi ích của khối để bảo vệ công dân mình. Liên minh sẽ đóng góp vào hòa bình, an ninh, phát triển bền vững của thế giới, đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau giữa mọi người, thương mại tự do bình đẳng, xóa đói nghèo và bảo vệ nhân quyền, nhất là quyền trẻ em, cũng như chấp hành nghiêm chỉnh và xây dựng luật pháp quốc tế, trong đó tôn trọng các quy tắc của Hiến chương Liên hợp quốc*".

Ngoài ra, Điều 21 của Hiệp ước TEU, tham chiếu tới những nguyên tắc và mục tiêu của chính sách đối ngoại EU, quy định rằng:

> "*Hành động của Liên minh trên trường quốc tế được điều chỉnh bởi những nguyên tắc đã khơi nguồn cho việc hình thành, phát triển và mở rộng khối và đây cũng là những nguyên tắc mà Liên minh tìm cách thúc đẩy trên thế giới: dân chủ, pháp trị, phổ biến và không phân tách nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, tôn trọng các quy tắc của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế* […].

Quy định này chỉ rõ:

> "*Liên minh sẽ xác định và theo đuổi những chính sách và hành động chung, và sẽ hợp tác ở cấp độ cao trọng mọi lĩnh vực của quan hệ quốc tế, nhằm*: *[...]*
>
> *b) Củng cố và ủng hộ dân chủ, pháp trị, nhân quyền và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế;*
> *c) Gìn giữ hòa bình, ngăn chặn xung đột và tăng cường an ninh quốc tế theo các mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc […];*
> *d) Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường bền vững của các nước đang phát triển, với mục đích chủ yếu là xóa đói nghèo;*
> *e) Khuyến khích mọi quốc gia hội nhập vào nền kinh tế thế giới, bao gồm thông qua việc loại bỏ dần những hạn chế đối với thương mại quốc tế;*
> *f) Hỗ trợ xây dựng các biện pháp quốc tế nhằm bảo tồn và cải thiện chất lượng môi trường và quản lý bền vững tài nguyên toàn cầu, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững […]*
> h) *Thúc đẩy hệ thống quốc tế dựa trên sự hợp tác đa phương mạnh mẽ hơn và quản trị toàn cầu hiệu quả."*

2.4. Chính sách thương mại đa phương của Liên minh châu Âu

2.4.1. Liên minh châu Âu với tư cách là một thành viên WTO

Liên minh châu Âu là thành viên của WTO với tư cách là một thực thể pháp lý. Trên vai trò này, EU thúc đẩy một hệ thống thương mại đa phương mạnh mẽ. Liên minh luôn cho rằng hệ thống đa phương đã mang lại những lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp châu Âu, có thể ra quyết định dài hạn nhờ quy định ổn định và dễ dự đoán. EU gần đây cũng nhận định rằng, trừ một số trường hợp, hệ thống WTO và áp lực từ các nước thành viên của tổ chức đã giúp tránh được sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ trong cuộc khủng hoảng kinh tế gần đây. EU cũng công nhận tính phù hợp của hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO.

2.4.2. Liên minh châu Âu tại Vòng đàm phán Đôha

Mục tiêu của EU đối với toàn bộ Vòng Đôha được nêu rõ trên website của Tổng vụ Thương mại của Ủy ban như sau:

- Tiếp cận thị trường đối với sản phẩm công nghiệp: EU muốn giảm thuế đối với hàng công nghiệp ở các nước phát triển và các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Brazil và Ấn Độ;
- Trợ cấp: EU muốn cải thiện các quy định hiện hành trong Hiệp định về trợ cấp và biện pháp đối kháng của WTO, nhằm xử lý hiệu quả những trợ cấp bóp méo sự cạnh tranh bình đẳng trong sản xuất hàng công nghiệp;
- Nông nghiệp: EU sẵn sàng chấp nhận có thể cam kết về các chương trình trợ cấp nông nghiệp;
- Phòng vệ thương mại: EU ủng hộ việc thông qua một bộ quy tắc mới nhằm quản lý việc sử dụng các công cụ phòng về thương mại;
- Thuận lợi hóa thương mại: EU ủng hộ việc cập nhật đầy đủ chính sách, quy định của WTO đối với thuận lợi hóa thương mại và hài lòng với hiệp định mới Bali tháng 12/2013;
- Tiếp cận thị trường đối với dịch vụ: EU có lợi ích tại thị trường nước ngoài trong các ngành dịch vụ như xây dựng, viễn thông, vận tải, phân phối hoặc dịch vụ về môi trường, và ủng hộ sửa đổi Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ, nhất là các điều khoản về quy định trong nước;
- Các biện pháp về phát triển: EU nói chung ủng hộ việc mở rộng tiếp cận thị trường không giới hạn cho các nước kém phát triển nhất;
- Sở hữu trí tuệ: EU muốn sử dụng Vòng Đôha để cải thiện việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

2.4.3. Quan hệ giữa Việt Nam & EU trong WTO

Tới nay hai bên không có tranh chấp nào ở WTO, trong khi cả Việt Nam và EU đều đã có những vụ tranh chấp khác với các bên thứ ba (như Việt Nam kiện Hoa Kỳ còn EU kiện Thái Lan).

Tuy nhiên, có những vấn đề đòi hỏi thảo luận giữa hai bên. Trong cơ sở dữ liệu về tiếp cận thị trường, EU liệt kê 12 vấn đề (twelve issues) mà khối này coi là rào cản đối với thương mại đang được Việt Nam áp dụng, gây ảnh hưởng tiêu cực tới lợi ích thương mại của EU. Về phần mình, Việt Nam chủ yếu phàn nàn về quy định pháp lý phức tạp của thị trường EU, tắc nghẽn trong hệ thống phân phối của EU và thực tế là trong chính sách chống bán phá giá, EU chưa trao cho Việt Nam địa vị nền kinh tế thị trường.

EU dành cho Việt Nam được hưởng Quy chế thuế quan ưu đãi phổ cập theo Điều khoản Cho phép của WTO, mang lại lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm xuất xứ từ Việt Nam tại thị trường EU, so với các mặt hàng xuất xứ từ các nước công nghiệp hóa và một số nền kinh tế mới nổi. Mặc dù WTO đã thúc đẩy các cơ hội tiếp cận thị trường mới cho Việt Nam tại EU, hai bên vẫn quyết định tăng cường quan hệ thương mại song phương thông qua việc ký kết Hiệp định Thương mại tự do toàn diện (FTA). Việc đàm phán được khởi động vào ngày 26/6/2012 và đang triển khai nhanh.

2.5. CCP ở cấp song phương và khu vực

Do đàm phán Vòng Đôha tại WTO bị kéo dài, EU quyết định đàm phán các hiệp định thương mại tự do ngoài các đối tác ưu đãi truyền thống của mình, với mục tiêu **thúc đẩy tiếp cận thị trường tại các nước được coi là có lợi ích kinh tế cao**. Mục tiêu của đàm phán FTA đối với EU là ký kết hiệp định không chỉ tập trung vào cắt giảm thuế. EU đã xác định những rào cản phi thuế, việc tiếp cận nguồn lực và nhiên liệu, dịch vụ và đầu tư, sở hữu trí tuệ, mua sắm công và chính sách cạnh tranh là những vấn đề ưu tiên trong đàm phán. Đối với các nước đang phát triển, EU nêu rõ mục tiêu của việc ký kết các FTA là đóng góp vào sự phát triển kinh tế của các nước này. Nói chung, mọi hiệp định mà EU đàm phán với các nước đang phát triển, bao gồm cả các nước mà EU đặt yêu

cầu mở cửa thị trường, như Việt Nam, đều có những điều khoản nhằm đóng góp tích cực vào sự phát triển của nước đó.

Đối với các nước ASEAN (gồm Bru-nây Đa-rút-xa-lem, Mi-an-ma/Miến Điện, Căm-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Lào, Phi-líp-pin, Xing-ga-po, Thái Lan và Việt Nam), EU vận dụng một chiến lược tích cực. EU coi những quốc gia này là một thị trường quan trọng và là một cực cho sự ổn định tại khu vực Đông Nam Á, trong lãnh thổ chiến lược giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Vì thế, ngay từ đầu EU đã cố gắng đàm phán và ký kết một hiệp định liên khu vực với các nước ASEAN với tư cách là một nhóm nước. Tuy nhiên, với tiến độ chậm chạp của phương pháp tiếp cận liên khu vực này, EU đã khởi xướng đàm phán song phương với từng quốc gia thành viên ASEAN. Hiệp định với Xing-ga-po kỳ ngày 20/9/2013, đàm phán FTA với Ma-lai-xi-a, Việt Nam và Thái Lan đang diễn ra.

Các FTA và RTA được ký kết gần đây và đang đàm phán

2.6. Các nội dung chính trong một FTA và RTA của EU

2.6.1. Loại bỏ dần thuế quan

Mọi hiệp định hiện nay đều quy định việc loại bỏ dần thuế nhập khẩu và hạn ngạch đối với hầu hết hàng hóa giao thương giữa các bên tham gia hiệp định. Mức độ, lộ trình và nội dung của các giai đoạn tự do hóa khác nhau giữa các hiệp định. Tỷ lệ cũng như các mặt hàng cụ thể đưa vào ngoại lệ không tự do hóa cũng khác nhau tùy theo từng hiệp định, tương tự thế khi xác định các hàng hóa này. Điển hình, EU loại đường và gạo ra khỏi danh mục cam kết, đây là những mặt hàng được coi là nhạy cảm tại EU và giai đoạn giảm thuế đối với những hàng nhạy cảm được quy định dài hơn. Đối với các nước đang phát triển, EU cơ bản tự do hóa gần 100% thương mại của khối đối với những hàng hóa xuất xứ từ nước đang phát triển tham gia hiệp định. Nước đang phát triển này có

thể đưa các hàng nhạy cảm khỏi cam kết tự do hóa. Mức độ loại trừ có thể khác nhau giữa các hiệp định và phụ thuộc vào đàm phán.

2.6.2. Quy tắc xuất xứ

Các FTA của EU đều có một Nghị định thư về quy tắc xuất xứ, cho phép xác định rõ hàng hóa xuất xứ từ nước thành viên. Quy tắc xuất xứ xác định nguồn gốc hàng nhập khẩu. Điều này rất quan trọng nhằm:

- Áp dụng ưu đãi thương mại,
- Áp dụng phòng vệ thương mại,
- Áp dụng mác xuất xứ, và
- Thực thi hạn ngạch và hạn ngạch thuế quan, khi phân bổ cho hàng nhập khẩu có xuất xứ cụ thể.

2.6.3. Hải quan và thuận lợi hóa thương mại

Luật và thủ tục hải quan quy định những quy tắc và thủ tục xác định những điều kiện phải nộp thuế. Thuận lợi hóa hải quan giải quyết mọi biện pháp nhằm giảm chi phí giao dịch liên quan đến việc đi qua cửa khẩu. Các FTA của EU nói chung đều thừa nhận tầm quan trọng của hải quan và thuận lợi hóa trong thương mại. Các hiệp đinh này đều quy định thúc đẩy hợp tác giữa các bên tham gia nhằm:

(a) trao đổi thông tin về luật, quy định và thủ tục hải quan;
(b) hợp tác nhằm đấu tranh chống vi phạm và gian lận hải quan, cũng như những vấn đề liên quan;
(c) triển khai những sáng kiến chung nhằm cải thiện thủ tục xuất nhập và quá cảnh và
(d) hợp tác trong các tổ chức quốc tế liên quan như WTO và Tổ chức Hải quan thế giới (WCO).

Các bên cũng nhất trí rằng khi "k*hông có sự hợp tác trong quản lý và/ hoặc xảy ra vi phạm hoặc gian lận*", bên không hợp tác có thể bị ngừng hưởng các ưu đãi.

2.6.4. Các biện pháp phi thuế quan và rào cản kỹ thuật đối với thương mại

Mọi hiệp định do EU và các đối tác ký kết đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nghiêm cấm biện pháp hạn chế định lượng và biện pháp có tác dụng tương đương. Điều này không ảnh hưởng tới quyền của các bên khi thực thi những quy chuẩn, tiêu chuẩn và biện pháp SPS cần thiết để bảo vệ sức khỏe hoặc cuộc sống con người, tài nguyên, đạo đức xã hội…

Những điều khoản về rào cản kỹ thuật đối với thương mại trong các hiệp định quy định rằng các bên phải thông báo cho nhau về những đề xuất về quy chuẩn và tiêu chuẩn đặc biệt liên quan đến thương mại giữa các bên. Ngoài ra, còn có những cam kết thông báo và tham vấn với nhau về những vấn đề cụ thể khi phát sinh, thông báo về phòng ngừa đối với hàng nhập khẩu vì lý do an toàn và môi trường; cũng như xác định các hàng hóa ưu tiên nhằm hợp tác để những hàng hóa này đáp ứng yêu cầu khi tiếp cận thị trường của nhau. Cuối cùng, các hiệp định còn có cam kết hợp tác trong các tổ chức thiết lập tiêu chuẩn quốc tế.

Chương về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật tập trung vào: (a) chỉ định các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp SPS của cả hai bên; (b) hợp tác nhằm thiết lập các biện pháp hài hòa hóa SPS; (c) chấp hành các nghĩa vụ đa phương (Hiệp định SPS của WTO, Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế (IPPC), Tổ chức Tiêu chuẩn Thực phẩm Codex Quốc tế, Tổ chức Thú y thế giới (OIE); và (d) các điều khoản về tính minh bạch.

2.6.5. Các công cụ phòng vệ thương mại

Các FTA của EU quy định áp dụng các biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp theo những Hiệp định liên quan của WTO. Quy định này cho phép các bên được áp dụng những biện pháp này khi cần. Đồng thời cũng cho phép các bên áp dụng các biện pháp tự vệ đa phương theo quy định liên quan của WTO. Tuy nhiên, trong một số hiệp định với các nước đang phát triển, EU cam kết miễn áp dụng các biện pháp tự vệ đa phương của khối đối với hàng nhập khẩu từ bên đối tác trong vòng 5 năm, vì "*mục tiêu phát triển tổng thể của Hiệp định và quy mô nhỏ của nền kinh tế của quốc gia đối tác* [liên quan]".

Trong Hiệp định Đối tác kinh tế giữa EU và nhóm các nước châu Phi, Ca-ri-bê và Thái Bình Dương (CARIFORUM), các bên duy trì khả năng áp dụng các biện pháp tự vệ song phương đối với những lợi ích mà các bên dành cho nhau theo Hiệp định (1) nếu xảy ra tổn hại nghiêm trọng với ngành trong nước sản xuất mặt hàng cùng loại hoặc sản phẩm cạnh tranh trực tiếp; hoặc (2) có những diễn biến bất lợi trong một ngành của nền kinh tế hoặc (3) diễn biến bất lợi trong các thị trường nông sản cùng loại hoặc cạnh tranh trực tiếp hay trong các cơ chế điều tiết những thị trường đó. Ý tưởng này cho phép một bên được tự vệ khi có khó khăn, gây ra những vấn đề xã hội lớn, hay khó khăn kinh tế nghiêm trọng đối với bên nhập khẩu. Đây là một yếu tố quan trọng của sự linh hoạt dành cho các nước châu Phi, Ca-ri-bê và Thái Bình Dương (ACP) liên quan.

Như vậy đã có tiền lệ về tạo điều kiện áp dụng các biện pháp tự vệ song phương, tất nhiên là vẫn phải nằm trong phạm vi mức thuế suất ràng buộc của WTO đối với các sản phẩm liên quan.

2.6.6. Trợ cấp xuất khẩu trong nông nghiệp

Một số FTA quy định rằng không bên nào được áp dụng bất kỳ chương trình trợ cấp mới nào, không được tăng mức trợ cấp xuất khẩu nông sản. Ngoài ra, trong các hiệp định này, EU cam kết loại bỏ mọi trợ cấp xuất khẩu hiện có đối với những nông sản mà nước thành viên liên quan đã cam kết xóa bỏ thuế quan.

2.6.7. Dịch vụ, đầu tư và di chuyển vốn

Tất cả các FTA thế hệ mới đều có các điều khoản về tự do hóa thương mại dịch vụ, đầu tư và luân chuyển vốn.

Chương dịch vụ trong các FTA của EU với các nước đang phát triển được đặc trưng bởi nguyên tắc nước đang phát triển liên quan hầu như được tiếp cận hoàn toàn thị trường EU, mặc dù nước này chỉ mở cửa dần dần thị trường của mình, với các giai đoạn chuyển đổi và biện pháp tự vệ. Cam kết tự do hóa được nêu cụ thể với mỗi bên, từng ngành dịch vụ và phương thức cung cấp theo biểu cam kết. Mỗi bên đều duy trì quyền quản lý thị trường của mình và hiệp định quy định hợp tác trong việc quản lý một số ngành, gồm du lịch, vận tải hàng hải, tài chính và viễn thông, trên cơ sở các nguyên tắc quản lý đã được các bên thống nhất. Một trong những kết quả tích cực nhất mà một

FTA về ngành dịch vụ có thể mang lại, trong mắt của các nước đang phát triển, là việc EU có một số cam kết về Phương thức 4 (di chuyển thể nhân), bao gồm cả khách kinh doanh ngắn hạn, người bán hàng, nhà đầu tư, học viên cao học, và các chuyên gia độc lập.

Về đầu tư, các bên đảm bảo một mức độ bảo hộ đầu tư cao, đồng thời bảo lưu quyền quản lý và theo đuổi các mục tiêu chính sách công chính đáng như bảo vệ sức khỏe, sự an toàn và môi trường. Hiệp định cũng có thể gồm các quy định về Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với chính phủ (ISDS).

Cuối cùng, về luân chuyển vốn, các FTA của EU quy định việc tự do hóa hoàn toàn luân chuyển vốn cũng như thanh toán vãng lai, cũng phải chịu các biện pháp tự vệ thông thường nhằm bảo vệ hệ thống tiền tệ, khi cần.

2.6.8. Cạnh tranh, mua sắm công và bảo mật dữ liệu cá nhân

Về cạnh tranh, các FTA của EU nghiêm cấm hành vi hạn chế cạnh tranh gây tác động tới thương mại giữa các bên. Quy định này chủ yếu liên quan đến các cartel và lạm dụng vị trí độc quyền. Ngoài ra, còn có các điều khoản về hành vi của doanh nghiệp thương mại nhà nước, như những doanh nghiệp được trao đặc quyền. Về mua sắm công, các quy định về một số nguyên tắc không phân biệt đối xử cơ bản và quy định về tính minh bạch tối thiểu áp dụng với những hợp đồng lớn. Cuối cùng, về bảo mật dữ liệu cá nhân, các hiệp định công nhận tầm quan trọng của quy định trong lĩnh vực này, cũng như nhu cầu gắn kết các công cụ quốc tế quy định sự hợp tác và trao đổi thông tin.

2.6.9. Đổi mới và sở hữu trí tuệ

Các FTA của EU cũng có một chương về bảo hộ sở hữu trí tuệ (IP) và phát huy sáng tạo và phát triển công nghệ.

Hiệp định không chỉ yêu cầu các bên tuân thủ những công ước quốc tế hiện có về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, mà còn quy định về mở rộng hợp tác giữa các bên nhằm tạo thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ và đổi mới kỹ thuật, nhằm "*thúc đẩy tính cạnh tranh của doanh nghiệp*". Việc hợp tác giữa các nhóm nghiên cứu và trung tâm kỹ thuật được nêu trong hiệp định cũng như việc trao đổi học gải, mạng lưới nghiên cứu chung… Các ngành đặc biệt có quy định về hợp tác nghiên cứu gồm xã hội thông tin, công nghệ thông tin truyền thông, đổi mới sinh thái và năng lượng tái tạo.

Về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, các điều khoản có xu hướng cao hơn so với quy định của Hiệp định TRIPs trong WTO. Chúng có tính chính xác hơn. Bên cạnh đó, còn có những quy định khá rộng về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, vốn là một trong những vấn đề trọng tâm trong chính sách thương mại của EU, và quy định liên quan đến việc bảo tồn nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian. Công ước Đa dạng hóa sinh học cũng thường được đề cập trong quy định này.

Cuối cùng, như hầu hết các chủ đề khác, FTA khuyến khích việc hài hòa hóa các quy định về sở hữu trí tuệ ở cấp khu vực cũng như "*đạt được tiến bộ hơn nữa theo hướng quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ quốc gia trong khu vực*".

2.6.10. Phát triển bền vững và các khía cạnh xã hội

Các FTA thế hệ mới của EU có chương về phát triển bền vững và những khía cạnh xã hội. Nhìn chung, những quy định này công nhận quyền của tất cả các bên được quản lý thị trường của mình nhằm theo đuổi những mục tiêu này, đồng thời yêu cầu các bên phải thường xuyên cập nhật thông tin cho nhau, tránh tạo ra trở ngại không cần thiết đối với thương mại và cần định hướng hài hòa hóa những chính sách này giữa các bên.

2.6.11. Hợp tác phát triển

Thông thường trong các FTA của EU với các nước đang phát triển có chương riêng quy định về hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật theo chủ đề cần giải quyết.

2.6.12. Tránh tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Các FTA của EU có một chương cụ thể quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc đối với mọi vấn đề phát sinh trong phạm vi của hiệp định. Tuy nhiên, một số hiệp định loại những quy định về hợp tác tài chính phát triển ra khỏi phạm vi của cơ chế này. Các bên có thể lựa chọn áp dụng Quy trình giải quyết tranh chấp của WTO. Tuy nhiên, hai quy trình này không được phép khởi xướng đồng thời.

2.7. FTA Việt Nam-EU: Tác động đối với Việt Nam

Tóm tắt những kết luận của Báo cáo đánh giá tác động của Hiệp định FTA Việt Nam-EU được thực hiện trong khung khổ Dự án MUTRAP

Điểm nổi bật về tác động dự kiến của hiệp định thương mại tự do này là:

- Việt Nam là bên hưởng lợi chính của hiệp định. Nhờ đó, lương thực tế và thu nhập quốc dân sẽ tăng lên.
- Thương mại giữa Việt Nam với EU tăng đáng kể thậm chí cả khi không có hiệp định. Xu hướng này được thúc đẩy bởi tốc độ tăng trưởng cao của Việt Nam, nền kinh tế tăng gấp đôi quy mô nền kinh tế sau mỗi kỳ 10 năm.
- Riêng việc cắt giảm hàng rào thuế quan thông qua đàm phán sẽ tăng xuất khẩu của Việt Nam sang EU lên 30-40%, cao hơn mức tăng nhập khẩu trong trường hợp không có hiệp định.
- Các ngành có khả năng được lợi nhiều nhất từ hiệp định gồm dệt may và giầy dép, thực phẩm chế biến (bao gồm thủy sản). Tuy nhiên, mức độ Việt Nam có thể mở rộng khả năng cung ứng để đáp ứng nhu cầu gia tăng về hàng Việt Nam tại EU sẽ xác định liệu tổng lượng xuất khẩu tăng lên có đáng kể hay không.
    - Dịch vụ được kỳ vọng sẽ mở rộng đáng kể nhờ hiệp định này, và giúp cải thiện đáng kể hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.
- FTA kỳ vọng sẽ thúc đẩy đầu tư và thay đổi công nghệ, nhờ đó thay đổi năng suất và tăng sản lượng.
- Tác động về môi trường dự kiến không đáng kể. FTA có tác động trung lập tới khí thải các-bon quốc gia, với giả thuyết khí thải trên một đơn vị đầu tư trong mỗi ngành không đổi. Tuy nhiên, khí thải các-bon của Việt Nam tăng đáng kể trong giai đoạn thực thi khi nền kinh tế mở rộng, bất kể có hiệp định hay không.
- Hiệp định kỳ vọng sẽ tạo được tác động tích cực tới giảm mức nghèo nhờ nhu cầu về lao động giản đơn tăng lên. Khu vực nông thôn được lợi nhất từ hiệp định.

- Về các lĩnh vực liên quan đến thương mại khác hiện đang đàm phán như mua sắm công, vấn đề hải quan và thuận lợi hóa thương mại sẽ mang lại phúc lợi và hiệu quả đáng kể, cũng như giúp cải thiện môi trường kinh doanh nói chung.

2.8. Chính sách thương mại đơn phương của Liên minh châu Âu

2.8.1. Phạm vi chính sách thương mại đơn phương của Liên minh châu Âu

Chính sách thương mại đơn phương của EU được thực hiện thông qua các quy định và chỉ thị của khối. Công cụ chính thuộc quyền kiểm soát của EU chính là Quy chế thuế quan ưu đãi phổ cập và thực hiện áp đặt lệnh trừng phạt kinh tế với một nước cụ thể, hoặc thực hiện theo lệnh cấm vận hoặc lệnh trừng phạt được quyết định trong khung khổ Liên hợp quốc, hay với tư cách là một chính sách đơn phương nếu như lệnh trừng phạt này đóng vai trò quan trọng nhằm bảo vệ an ninh quốc gia của khối.

2.8.2. Quy chế thuế quan ưu đãi phổ cập của Liên minh châu Âu

Quy chế thuế quan ưu đãi phổ cập của EU (GSP) lấy cơ sở pháp lý cơ bản là Điều khoản Cho phép của WTO, một ngoại lệ đối với Điều I:1 của Hiệp định GATT 1994, nguyên tắc Đối xử tối huệ quốc. GSP của EU, hình thành theo khuyến nghị của UNCTAD, là một quy chế ưu đãi thương mại đơn phương, không trên cơ sở có đi có lại được xây dựng để dành cho sản phẩm của nước đang phát triển được ưu đãi tiếp cận thị trường EU. Thông qua việc tạo ưu đãi để xuất sang thị trường khối, EU hỗ trợ nước đang phát triển trong nỗ lực giảm nghèo và thúc đẩy quản trị hiệu quả cũng như phát triển bền vững. EU nhằm mục đích hỗ trợ nước đang phát triển tạo thêm doanh thu từ xuất khẩu thông qua thương mại quốc tế, để sau đó tái đầu tư phục vụ cho sự phát triển, cũng như giúp đa dạng hóa nền kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng và tạo việc làm ở nước đó.

EU thường xuyên rà soát và cập nhật quy chế GSP của mình. Tháng 1/2014, Quy định GSP (GSP Regulation) hiện hành có hiệu lực. Quy chế GSP này quy định thời gian áp dụng trong vòng 10 năm. Lợi ích của quy chế này thuộc một trong ba trụ cột sau:

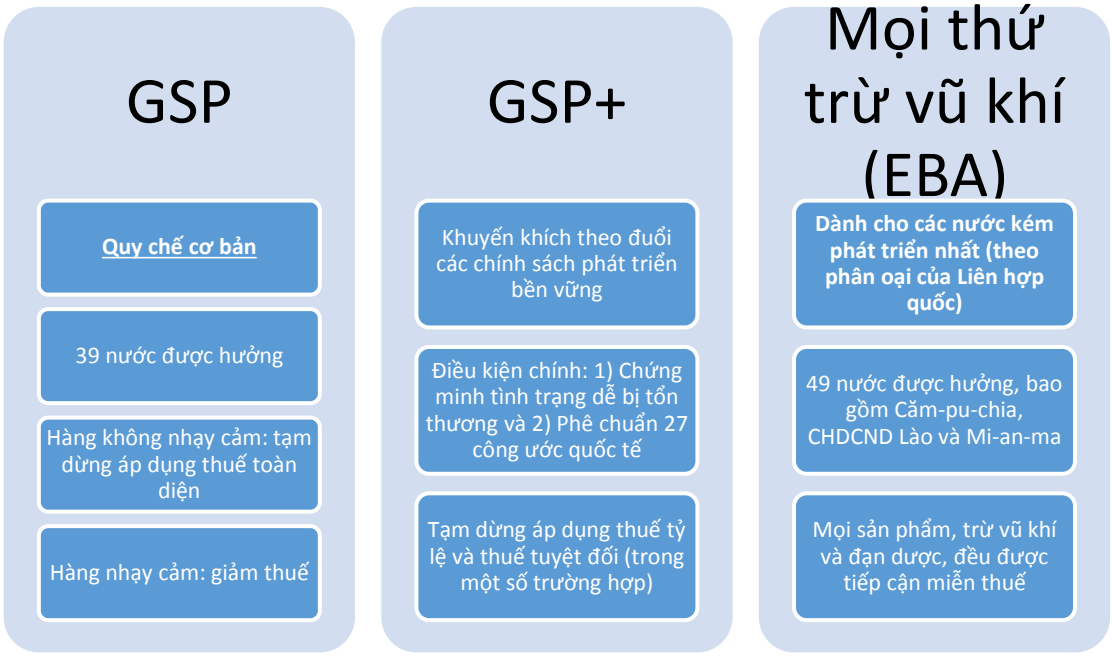

Bảng phân loại hàng hóa được hưởng GSP giữa sản phẩm nhạy cảm và không nhạy cảm được nêu trong Phụ lục V. Các nhóm sản phẩm Việt Nam có lợi ích xuất khẩu – như giầy dép, cá và động vật giáp xác, thiết bị điện máy, hoặc đồ nội thất/ bộ đồ giường – đều thuộc nhóm hàng nhạy cảm.

Việc không còn được hưởng GSP thường xảy ra vì một trong những nguyên nhân sau:

Lý do	**Cơ sở và giải thích pháp lý**
Sự "trưởng thành" của quốc gia	• Điều 3 và 4, Phụ lục II; Giải thích: Một quốc gia hưởng GSP được Ngân hàng Thế giới xếp hạng vào nước có thu nhập cao hoặc trung bình khá trong ba năm liên tiếp ngay trước khi cập nhật danh sách các nước thụ hưởng • Điều 3 và 4, Phụ lục II; Giải thích: Quốc gia đó được hưởng lợi từ một thỏa thuận ưu đãi tiếp cận thị trường trong đó có đưa ra những ưu đãi thuế quan tương tự như quy chế ưu đãi này, hoặc cao hơn trong hoạt động thương mại
Sự "trưởng thành" của sản phẩm	• Điều 8(1); Giải thích: Những ưu đãi thuế quan sẽ bị đình chỉ đối với những sản phẩm thuộc một mục GSP có nguồn gốc xuất xứ từ mộtnước thụ hưởng GSP, khi giá trị nhập khẩu trung bình của Liên minh châu Âu đối với những sản phẩm như vậy trong ba năm liên tiếp từ các nước thụ hưởng GSP vượt quá mức được liệt kê trong Phụ lục VI
Không tuân thủ các quy định của GSP+	• Điều 15(1); Giải thích: một nước được hưởng GSP + nếu thực tế không tôn trọng các cam kết ràng buộc, hoặc quốc gia được hưởng GSP+ đã xây dựng các bảo lưu bị cấm bởi các công ước có liên quan hoặc không phù hợp với các đối tượng và mục đích của công ước đó
Các lý do khác	• Điều 19(1); Giải thích: Một nước được hưởng GSP bị thu hồi tạm thời nếu xảy ra bất kỳ một trong những trường sau đây: (a) vi phạm nghiêm trọng và có hệ thống các nguyên tắc được quy định trong các công ước liệt kê trong Mục A của Phụ lục VIII; (b) hàng hóa xuất khẩu được làm bởi lao động là tù nhân; (c) thiếu sót nghiêm trọng về hải quan kiểm soát xuất khẩu, quá cảnh thuốc (bất hợp pháp các chất hoặc tiền chất), hoặc không tuân thủ các công ước quốc tế về chống khủng bố và rửa tiền;… • Điều 21; Giải thích: Trong các trường hợp gian lận, bất thường hoặc không tuân thủ một cách hệ thống hoặc để đảm bảo tuân thủ các quy tắc liên quan đến nguồn gốc các sản phẩm và các thủ tục liên quan đến chúng, hoặc không hợp tác hành chính theo yêu cầu để triển khai và ban hành chính sách về các thỏa thuận ưu đãi
Áp dụng một biện pháp tự vệ	• Điều 22(1); Giải thích: Trường hợp một sản phẩm có nguồn gốc từ nước thụ hưởng của bất kỳ thỏa thuận ưu đãi nêu tại Điều 1(2) được nhập khẩu với số lượng và/hoặc giá gây ra hoặc đe dọa gây ra những khó khăn nghiêm trọng cho các nhà sản xuất hàng hóa tương tự tại Liên minh hoặc cạnh tranh trực tiếp • Điều 29(1); Giải thích: Nếu nhập khẩu dệt may, nông thủy sản xuất xứ từ một nước hưởng GSP và tổng nhập khẩu: • (a) tăng ít nhất 13.5% về số lượng (theo khối lượng) so với năm dương lịch ngay trước đó; hoặc

	• (b) các sản phẩm thuộc mục GSP S-11a và S-11b của Phụ lục V vượt quá thị phần nêu tại điểm 2 của Phụ lục VI về giá trị nhập khẩu của Liên minh đối với các sản phẩm thuộc mục GSP S-11a và S-11b của Phụ lục V từ tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ được liệt kê trong Phụ lục II trong vòng 12 tháng bất kỳ

Quy định xác định rõ các bước cụ thể để đánh giá xem liệu có đủ điều kiện để rút ưu đãi tạm thời hay không hoặc quyết định có cần thiết phải áp dụng biện pháp tự vệ hay không. Quy định cũng có điều khoản về minh bạch hóa. Nước thụ hưởng GSP thuộc diện điều tra cũng như các bên liên quan phải đệ trình báo cáo bình luận và số liệu của mình.

Để được hưởng lợi ích từ GSP, sản phẩm phải có xuất xứ từ nước thụ hưởng GSP. Quy tắc xác định xuất xứ, thủ tục và phương pháp hợp tác hải quan cụ thể cũng được nêu tại Quy định 2454/93. Các quy định này chặt chẽ hơn so với các quy định thường thấy trong các FTA.

Hầu hết các quyết định trong lĩnh vực này đều thuộc thẩm quyền của Ủy ban, sau khi tham vấn ý kiến các nước thành viên. Giữa thời điểm ban hành quyết định và thời điểm có hiệu lực thường có thời gian chuyển tiếp nhất định, để các bên có lợi ích liên quan tự điều chỉnh phù hợp với tình hình mới.

Nhìn chung, điều kiện của Việt Nam xét theo cơ chế GSP mới sẽ có nhiều thuận lợi hơn. Một số nước thụ hưởng GSP trong cơ chế cũ đã không còn là nước thụ hưởng trong cơ chế mới kể từ 1/2014. Số lượng sản phẩm cụ thể của các nước thụ hưởng như Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan thuộc diện không được hưởng ưu đãi GSP tăng lên. Tóm lại, điều kiện cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam so với một số đối thủ cạnh tranh đã được cải thiện. Mức chênh lệch về thuế suất áp dụng, ngay cả trong những trường hợp mức này không lớn, cũng sẽ thu hút sự quan tâm từ các doanh nghiệp xuất khẩu khác.

Việt Nam cũng sẽ có thể hưởng lợi nhiều hơn nếu đàm phán được điều kiện tiếp cận thị trường ưu đãi hơn nữa thông qua FTA. Phải luôn ghi nhớ là GSP là cơ chế đơn phương và các điều kiện ưu đãi đối với Việt Nam tại thời điểm ngày hôm nay có thể sẽ thay đổi trong tương lai, với lý do khác nhau, ví dụ như khi Việt Nam được phân loại là nước có thu nhập trung bình cao chẳng hạn.

2.8.3. Cơ chế trừng phạt

Hội đồng sẽ thông qua quyết định trong đó xác định rõ cách tiếp cận của Liên minh đối với một vấn đề cụ thể về địa lý hoặc lĩnh vực. Các nước thành viên sẽ đảm bảo các chính sách quốc gia phù hợp với quan điểm của Liên minh.
Hiệp ước EU, Điều 29

Đây là một công cụ chính trị được Hiệp ước bổ sung vào "kho vũ khí" của EU. Thông qua công cụ này, EU có thể quyết định ngừng hoặc giảm một phần hay hoàn toàn, quan hệ kinh tế tài chính với một hoặc nhiều nước thứ ba. Những điều khoản khác trong TFEU cho phép áp dụng các biện pháp cụ thể. Căn cứ vào thẩm quyền mà những quy định này đã trao cho, Hội đồng đã thông qua các biện pháp chống Nga đáp trả lại việc sáp nhập bất hợp pháp Crưm.

2.9. Quá trình ra quyết định về CCP và thể chế có liên quan

Trong EU, việc đàm phán và ký kết một FTA do Ủy ban châu Âu thực hiện, sau khi được Hội đồng châu Âu cho phép, Hội đồng châu Âu là cơ quan chính trị đại diện cho lợi ích của tất cả các nước thành viên. Hội đồng cũng thực hiện chức năng giám sát đối với Ủy ban châu Âu dựa trên cơ sở

công tác chuẩn bị của Ủy ban đặc biệt gồm các đại diện nhà nước cao cấp của các quốc gia thành viên, được gọi là Ủy ban Chính sách Thương mại. Liên minh châu Âu không thể ký kết bất cứ hiệp định thương mại nào nếu chưa được sự cho phép của Hội đồng sau khi Hội đồng quyết định trên nguyên tắc đa số được quy định tại TFEU. Tất nhiên cách làm này vẫn giành lại sự linh hoạt nhất định để ra các quyết định ủng hộ hay phản đối một hiệp định vào thời điểm ký kết. Ngoài ra, trong EU, Hội đồng có thẩm quyền phê chuẩn tất cả các hiệp định thương mại, sau khi đạt được sự đồng thuận của Nghị viện châu Âu.

Về nguyên tắc, một hiệp định quốc tế chỉ có thể có hiệu lực chính thức sau khi được phê chuẩn. Tuy nhiên, trường hợp một hiệp định mới cần phê chuẩn không thay thế một hiệp định tồn tại trước đó, thì Liên minh châu Âu có thể ban hành quy định cho phép áp dụng tạm thời hiệp định mới đó. Sau đó sẽ bảo lưu quyền chấm dứt lợi ích đem lại từ việc áp dụng tạm thời đó nếu như việc phê chuẩn không được thực hiện trong khung thời gian "hợp lý".

Hộp: Thế chế của Liên minh châu Âu

- **Ủy ban châu Âu** là cơ quan hành pháp của EU và đại diện cho các lợi ích của châu Âu nói chung. Ủy ban châu Âu đưa ra sáng kiến về quy định mới của EU và thực hiện đàm phán các hiệp định thương mại, trên cơ sở nhiệm vụ do Hội đồng Liên minh giao phó. Ủy ban gồm tập hợp các ủy viên độc lập.
- **Hội đồng Liên minh châu Âu** là tổ chức của EU nơi các bộ trưởng của các nước thành viên EU nhóm họp để thông qua các luật của EU và điều phối chính sách.
- **Hội đồng châu Âu** gồm nguyên thủ của các nước thành viên EU và Chủ tịch Ủy ban và Chủ tịch Hội đồng châu Âu. Trên thực tế, Hội đồng châu Âu là hội nghị thượng đỉnh nơi các nhà lãnh đạo EU nhóm họp để quyết định về những ưu tiên chính trị và sáng kiến lớn nói chung.
- **Nghị viện EU** được bầu 5 năm một lần. Cơ quan này, cùng với Hội đồng EU, chia sẻ thẩm quyền ra quyết định cuối cùng nhằm chấp thuận, phản đối hay sửa đổi khuyến nghị của Ủy ban EU.
- **Tòa án Công lý EU** có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các cơ quan, nước thành viên và/ hoặc cá nhân thuộc EU, liên quan đến việc áp dụng luật EU.

3. CHÍNH SÁCH NGÀNH

3.1. Quy chuẩn và các biện pháp vệ sinh an toàn và kiểm dịch động thực vật

3.1.1. Quy chuẩn và tiêu chuẩn

Hệ thống quy định của EU nhằm mục tiêu bảo vệ sức khỏe, vệ sinh an toàn, môi trường và người tiêu dùng ở mức cao, đồng thời vẫn đảm bảo sự di chuyển hàng hóa tự do trong phạm vi thị trường kinh tế duy nhất.

Để đạt được hai mục tiêu này, quy chuẩn "**cách tiếp cận mới**" – thường được đưa ra dưới hình thức Chỉ thị và quy định sản phẩm như thiết bị áp lực và thiết bị khí, đồ chơi, máy móc, thang máy… - chỉ đề ra "các quy định cơ bản" thể hiện ở chỉ tiêu hoặc mục tiêu hiệu quả vận hành. Các quy định cơ bản xác định kết quả phải đạt được, hoặc mối nguy hại phải xử lý, mà không cần nêu cụ thể bất kỳ giải pháp kỹ thuật nào. Cách thức đáp ứng những quy định cơ bản sẽ được xác định thông qua các **tiêu chuẩn tự nguyện**, do các cơ quan xây dựng tiêu chuẩn (SSB) đề ra. SSB có vai trò lớn nhất tại EU là Ủy ban Tiêu chuẩn châu Âu (CEN).

Đối với ngành xe động cơ, quy chuẩn tiếp tục quy định yêu cầu kỹ thuật chi tiết với từng sản phẩm ("cách tiếp cận cũ"). Các cách tiếp cận cụ thể khác nhằm hài hòa hóa EU đã được xây dựng trong các ngành dược phẩm, hóa chất, sản phẩm xây dựng, theo nhu cầu cụ thể của ngành.

Mọi quy chuẩn đều chịu đánh giá tác động nghiêm ngặt – có thể được đánh giá bằng cách nhấp chuột vào đây here – và được xây dựng theo một quy trình đòi hỏi sự minh bạch, tạo cơ hội để các bên liên quan thuộc thành viên WTO phản ánh quan điểm của mình.

Hàng hóa được quy định theo quy chuẩn "cách tiếp cận mới" phải qua các **quy trình đánh giá sự phù hợp** tương ứng với mức độ nguy cơ gắn với hàng. Các ngành hàng lớn được coi là có nguy cơ từ thấp đến trung bình sẽ được nhà cung cấp kê khai sự phù hợp. Những ngành hàng này gồm sản phẩm điện và điện tử, liên quan đến năng lượng, thiết bị đài phát thanh và viễn thông, đồ chơi, hầu hết sản phẩm máy móc, và một số nhóm thiết bị bảo hộ cá nhân. Đối với nhóm hàng được cho là có nguy cơ cao, cần phải thực hiện việc đánh giá sự phù hợp của bên thứ ba là "các cơ quan được xác định". Hàng có nguy cơ cao gồm thiết bị y tế, thiết bị nâng áp lực, đường ray cáp treo, thiết bị khí, và hầu hết các loại thiết bị sử dụng trong cháy nổ. Cuối cùng, không phải đánh giá sự phù hợp đối với hàng tiêu dùng, khi không có quy định về an toàn cụ thể hơn ở cấp EU, thì chỉ theo Chỉ thị về an toàn sản phẩm nói chung (những hàng này gồm sản phẩm chăm sóc trẻ em, dệt may, và một số hàng tiêu dùng khác).

Quy định về công nhận được xây dựng nhằm đảm bảo và chứng thực rằng các cơ quan đánh giá sự phù hợp (như phòng thí nghiệm, thanh tra hoặc cơ quan chứng nhận) có năng lực kỹ thuật để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Vì vậy, việc công nhận nhằm tăng lòng tin về việc chứng thực sự phù hợp và tăng cường công nhận lẫn nhau giữa sản phẩm, quy trình, dịch vụ, hệ thống và cơ quan trên toàn EU. Việc công nhận các cơ quan đánh giá sự phù hợp được thực hiện dựa trên các tiêu chuẩn được hài hòa hóa, xác định tiêu chí thẩm quyền đối với cơ quan công nhận quốc gia và mỗi nhóm cơ quan đánh giá sự phù hợp (như phòng thí nghiệm hoặc cơ quan xác nhận), quy định cụ thể về ngành và văn bản hướng dẫn của các tổ chức quốc tế và khu vực về cơ quan công nhận.

Dấu CE phải áp dụng đối với nhiều sản phẩm. Theo quy định, sản phẩm chỉ **được đánh giá trước khi đưa vào thị trường** và đáp ứng các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường của EU. Một video giải thích quy trình dán mác này lên sản phẩm (nhấp chuột vào hình ảnh bên). Để có thêm thông tin, có thể truy cập website của Tổng Vụ Doanh nghiệp và Ngành hàng DG Enterprise and Industry.

Sau cùng, **quản lý thị trường** được nêu trong quy định của EU là công cụ để đảm bảo rằng sản phẩm đã được đưa vào thị trường không đe dọa sức khỏe, an toàn hay bất cứ khía cạnh nào khác của việc bảo vệ lợi ích cộng đồng. Quy định của EU đề ra những yêu cầu cụ thể để tổ chức quản lý thị trường. Tuy nhiên, theo nguyên tắc bổ trợ, quản lý thị trường được tổ chức và thực hiện ở cấp quốc gia. Các nước thành viên chịu trách nhiệm về những hoạt động quản lý trong phạm vi lãnh thổ nước mình. Luật EU đề ra nghĩa vụ rõ ràng của các cơ quan quản lý thị trường, quy định rằng các cơ quan này phải có quyền, nguồn lực và kiến thức cần thiết để thực thi chức năng của mình. Luật này cũng xác định các biện pháp quản lý thị trường do các cơ quan quản lý thực hiện. Các biện pháp này gồm tổ chức kiểm tra ngẫu nhiên và tại chỗ; có được mọi tài liệu cần thiết từ bên sản xuất để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm; khi giải trình, vào cơ sở sản xuất và lấy mẫu để xét nghiệm, và trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng, tiêu hủy sản phẩm.

Các sản phẩm bộc lộ nguy cơ nghiêm trọng, cần có phản ứng, sẽ bị thu hồi khỏi thị trường hoặc phải thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo rằng sản phẩm đó không đưa ra thị trường. Nếu cơ quan quản lý thị trường phát hiện một sản phẩm bộc lộ nguy cơ và có thể có tác động ngoài lãnh thổ nước mình, thì sẽ thông báo tới mọi nước thành viên EU, sử dụng Hệ thống cảnh báo nhanh **Rapid Information System** (RAPEX). RAPEX là một hệ thống cảnh báo tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin nhanh giữa các nước thành viên và Ủy ban châu Âu. Công cụ tìm kiếm có thể thấy trong hình ảnh trên.

3.1.2. Các quy định về an toàn vệ sinh và kiểm dịch động thực vật

Quy định an toàn vệ sinh và kiểm dịch động thực vật đề cập tới một bộ các biện pháp bao gồm luật thú y, bảo vệ thực vật và thực phẩm.

Mục tiêu của mỗi lĩnh vực này là:	
Luật thực phẩm	Nhằm đảm bảo bảo vệ ở mức cao đối với sức khỏe con người và lợi ích của người tiêu dùng liên quan đến thực phẩm, có tính tới tính đa dạng, bao gồm sản phẩm truyền thống, đồng thời đảm bảo vận hành hiệu quả thị trường nội khối.
Thú y	Nhằm bảo vệ và nâng cao tình trạng và điều kiện sức khỏe của động vật trong Cộng đồng, nhất là động vật để sản xuất thực phẩm, đồng thời cho phép giao dịch nội khối và nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật theo những tiêu chuẩn và nghĩa vụ quốc tế về thú y phù hợp.
Sức khỏe cây trồng	Nhằm bảo vệ vụ mùa, hoa rau quả, cây cảnh và rừng trước sâu bệnh gây hại (sinh vật gây hại) thông qua ngăn chặn sự thâm nhập của chúng vào EU hoặc lây lan trong phạm vi EU.

Luật lương thực

Mọi thực phẩm phải tuân thủ các quy định chung nêu trong Luật lương thực chung. Luật lương thực chung đề ra các nguyên tắc chung quy định đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi ở cấp EU và các nước thành viên.

Nguyên tắc cơ bản	
1	Luật lương thực hướng tới các mục tiêu chung **bảo vệ ở mức cao cuộc sống và sức khỏe con người, cũng như bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng**, bao gồm các hành vi công bằng trong thương mại lương thực, có tính tới vấn đề thú y và an sinh động vật, bảo vệ thực vật và môi trường.
2	Luật lương thực nhằm đạt được sự **di chuyển tự do trong Cộng đồng** đối với sản phẩm lương thực và thức ăn gia súc được chế biến hoặc tiếp thị theo các nguyên tắc và quy định chung.
3	Khi **tiêu chuẩn quốc tế** tồn tại hoặc sắp hình thành, tiêu chuẩn này phải được xem xét khi xây dựng hoặc vận dụng luật lương thực, trừ khi tiêu chuẩn này hoặc các phần liên quan trong đó **không** phải là phương tiện **hiệu quả hoặc phù hợp** để hoàn thành mục tiêu hợp

	pháp của luật lương thực hoặc khi có giải thích khoa học hay khiến cho mức độ bảo vệ khác với mức độ đã được xác định là phù hợp trong Cộng đồng.
4	Luật lương thực dựa trên **phân tích rủi ro** trừ trường hợp việc này không phù hợp với hoàn cảnh hay bản chất của biện pháp.
5	Đánh giá rủi ro dựa trên **bằng chứng khoa học** sẵn có và được thực hiện **một cách độc lập, khách quan và minh bạch**. Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu phụ trách tiến hành các nghiên cứu.
6	**Quản lý rủi ro** có tính tới kết quả đánh giá rủi ro.
7	Trong những trường hợp cụ thể, nếu việc đánh giá các thông tin sẵn có xác định khả năng tác động tiêu cực tới sức khỏe, nhưng chưa chắc chắn về mặt khoa học, có thể áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro tạm thời cần thiết nhằm đảm bảo mức độ bảo vệ sức khỏe cao trong Cộng đồng, cho đến khi có thêm các thông tin để đánh giá rủi ro một cách toàn diện hơn. Các biện pháp áp dụng dựa trên cơ sở này là phù hợp và không hạn chế thương mại hơn mức cần thiết mà vẫn đạt được mức bảo vệ sức khỏe cao trong Cộng đồng, với giả thiết là tính khả thi về mặt kỹ thuật và kinh tế cùng các yếu tố khác được coi là hợp pháp khi xem xét vấn đề này. Quy định này thể hiện **nguyên tắc phòng ngừa**.
8	Luật lương thực nhằm **bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng** và tạo cơ sở để người tiêu dùng có thể lựa chọn sau khi tiếp nhận đầy đủ thông tin về thực phẩm mình tiêu thụ. Luật này cũng nhằm ngăn chặn: (a) hành vi gian lận hoặc lừa đảo; (b) làm giả thực phẩm; và (c) mọi hành vi khác có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Nguồn: Quy định/ Regulation EC/178/2002 (Luật lương thực chung, Điều 5-10

Việc kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm mở rộng ra toàn bộ chuỗi sản xuất và cung ứng. Đây gọi là nguyên tắc "từ nông trại tới bàn ăn", được giải thích theo đồ thị sau:

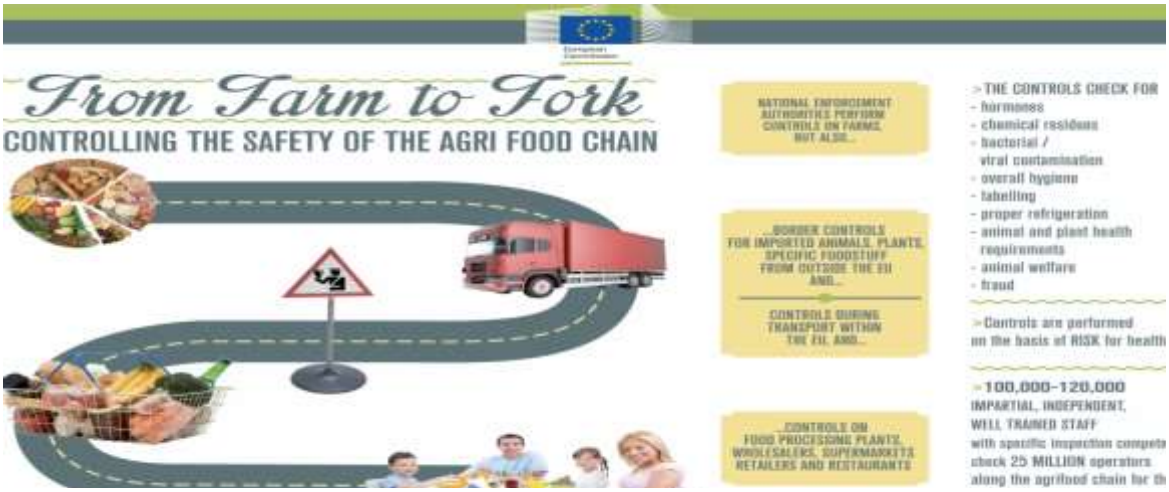

Nguồn: Tổng Vụ Sức khỏe & Người tiêu dùng/ DG Health & Consumers

Ghi nhãn phù hợp là yếu tố thiết yếu để bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng. Một Quy định mới về ghi nhãn có hiệu lực vào tháng 12/2014. Lần sửa đổi này gồm cải thiện mức độ dễ đọc, làm rõ các chất gây dị ứng, bắt buộc phải ghi nhãn nguồn gốc của thịt chế biến và thông tin dinh dưỡng.

Cũng có quy định áp dụng chung về chất gây ô nhiễm, mức dư lượng tối đa thuốc thú y và thuốc trừ sâu hoặc vật liệu tiếp xúc với thực phẩm.

Thực phẩm nhập từ các nước ngoài EU phải tuân thủ những quy định tương ứng của EU hoặc các quy định được EU công nhận để ít nhất tương đương với quy chế đã hình thành trong luật lương thực của EU. Các FTA gần đây nhất mà EU ký với các nước thứ ba có những điều khoản cụ thể nhằm tạo thuận lợi thương mại một khi đáp ứng được các quy định SPS tương ứng đối với hàng nhập khẩu. Hàng nhập khẩu phải có kiểm soát để đảm bảo xác minh sự tuân thủ với quy định về thực phẩm và thức ăn gia súc, sức khỏe và an sinh động vật. Việc kiểm soát này thường phải trả phí.

Khi phát hiện nguy cơ đe dọa sức khỏe trong một hoặc nhiều lô hàng thực phẩm hoặc thức ăn gia súc, cơ quan quản lý tại nước thành viên sẽ chia sẻ thông tin này thông qua Hệ thống cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn gia súc **Rapid Alert System for Food and Feed** (RASFF). Cơ sở dữ liệu được cập nhật liên tục và mang tính công khai (thông tin không bí mật). Biểu đồ dưới đây cho thấy cách thức hoạt động của RASFF:

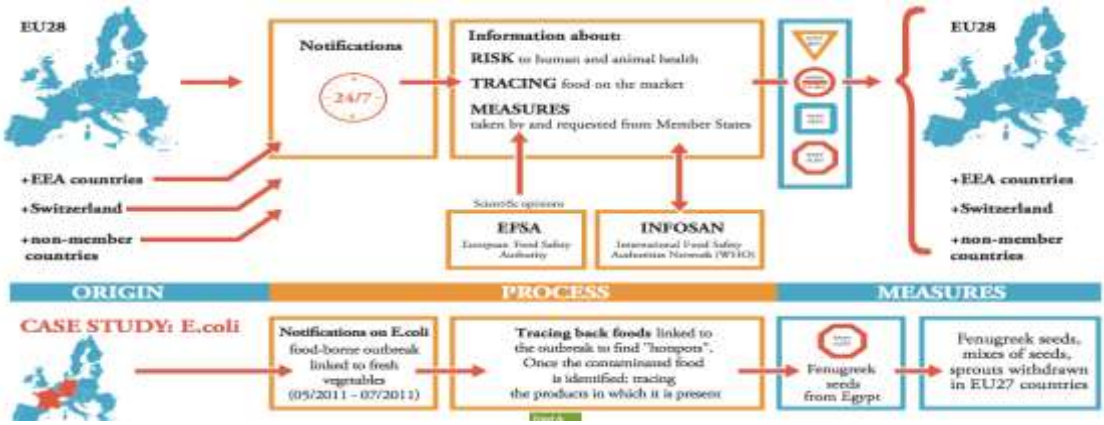

Nguồn: Tổng Vụ Sức khỏe & Người tiêu dùng/ DG Health & Consumers

Nhập khẩu động vật tươi sống và sản phẩm có nguồn gốc động vật

Yêu cầu đối với thương mại nội khối được hài hòa hóa giữa các nước thành viên. Nhằm đảm bảo duy trì được sự hài hòa, thịt, sữa và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật khác phải được sản xuất tại cơ sở được cấp phép dưới sự giám sát của cán bộ thú y. Ngoài ra, các đợt kiểm tra ngẫu nhiên cũng có thể được thực hiện tại điểm tiêu thụ sản phẩm.

Trong trường hợp nhập khẩu từ các nước ngoài EU, quy định khác nhau tùy thuộc vào động vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc từ động vật. Ví dụ, trường hợp thịt hoặc sản phẩm thịt chỉ có thể được phép nhập khẩu nếu nước xuất xứ thuộc danh sách các nước đủ điều kiện đối với sản phẩm liên quan.

Tiêu chí
• Nước xuất khẩu phải có **cơ quan thú y có thẩm quyền** chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chuỗi sản xuất thực phẩm. Các cơ quan này phải có quyền, cơ cấu và nguồn lực để giám sát hiệu quả và đảm bảo cấp chứng nhận đáng tin cậy về thú y và điều kiện vệ sinh chung. • Quốc gia hoặc khu vực xuất xứ phải đáp ứng các tiêu chuẩn về thú y liên quan. Điều này có nghĩa là quốc gia đó phải là thành viên của Tổ chức Thú y thế giới (OIE) và phải đáp ứng các tiêu chuẩn và nghĩa vụ báo cáo của tổ chức này. Các dịch vụ thú y đầy đủ cũng phải đảm bảo thực hiện hiệu quả mọi yêu cầu về kiểm soát thú y cần thiết.

- Các cơ quan quản lý quốc gia còn phải đảm bảo đáp ứng được **những quy định về vệ sinh và sức khỏe cộng đồng** liên quan. Quy định về vệ sinh gồm các yêu cầu cụ thể về tổ chức của cơ sở sản xuất, thiết bị và quy trình vận hành đối với việc giết mổ, cắt, lưu trữ và xử lý thịt. Những quy định này nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cao và ngăn ngừa mọi tình trạng ô nhiễm sản phẩm trong thời gian chế biến.
- Cần có **hệ thống giám sát** để xác minh việc tuân thủ quy định của EU về **dư lượng thuốc thú y, thuốc trừ sâu và chất gây ô nhiễm.**
- Cơ quan có thẩm quyền cần xây dựng và đệ trình chương trình giám sát phù hợp lên Ủy ban châu Âu để thông qua và đổi mới hàng năm.
- Hàng nhập khẩu chỉ đến từ **các cơ sở sản xuất được cấp phép** (như lò mổ, nhà máy cắt, cơ sở sơ chế, kho lạnh, nhà máy chế biến thịt), chịu sự giám sát của cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu và chứng nhận đáp ứng quy định của EU. Cơ quan thẩm quyền này phải cung cấp những bằng chứng đảm bảo cần thiết và có nghĩa vụ tiến hành kiểm tra định kỳ.
- Đối với nhập khẩu thịt trâu bò, cừu hoặc dê, nước xuất khẩu phải xin xác nhận về **tình trạng bệnh bò điên (BSE) của nước này**. Tình trạng này dựa trên đánh giá rủi ro và gắn với các điều kiện nhập khẩu cụ thể liên quan đến BSE.
- Việc kiểm tra của **Văn phòng Thực phẩm và Thú y** của Ủy ban là cần thiết nhằm đảm bảo việc tuân thủ với những quy định trên. Tiến hành kiểm tra như vậy giúp xây dựng lòng tin giữa Ủy ban EU với cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu.

Nguồn: Tổng Vụ Sức khỏe & Người tiêu dùng/ DG Health & Consumers

Một quốc gia muốn xuất sang EU và cho rằng đã đáp ứng các tiêu chí trên phải trình một bản yêu cầu chính thức lên Tổng Vụ Bảo vệ sức khỏe và người tiêu dùng của Ủy ban châu Âu để được xuất thịt hoặc sản phẩm thịt, hoặc sản phẩm liên quan khác, sang EU. Yêu cầu này tạo ra một quy trình nhiều bước được thực hiện bởi nước thứ ba nhằm đánh giá tính hợp lệ được phép xuất thịt và sản phẩm thịt sang EU. Nước thứ ba này phải trả lời một bản câu hỏi và trình kế hoạch giám sát dư lượng của nước xuất khẩu. Nếu đánh giá kế hoạch giám sát dư lượng và bản câu hỏi có kết quả tốt, Văn phòng Thực phẩm và Thú y sẽ tiến hành kiểm tra đánh giá tại chỗ. Dựa trên kết quả kiểm tra và các bằng chứng đảm bảo do nước xuất khẩu cung cấp, Tổng Vụ Sức khỏe và Bảo vệ người tiêu dùng đề xuất danh mục quốc gia, các điều kiện cụ thể theo đó quốc gia được phép xuất sang EU và danh sách các cơ sở sản xuất được cấp phép trong nước xuất khẩu. Những danh mục này sau đó được thảo luận với đại diện các nước thành viên EU. Nếu nước thành viên có ý kiến ủng hộ đề xuất này, Ủy ban châu Âu sẽ thông qua các điều kiện nhập khẩu cụ thể. Danh sách các cơ sở sản xuất hợp pháp có thể được sửa đổi theo yêu cầu của nước xuất khẩu và được đăng công khai trên Internet.

Chứng nhận về sức khỏe phải đi kèm mọi hàng nhập khẩu và phải được ký xác nhận bởi cán bộ thú y của cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu thứ ba đảm bảo các điều kiện để nhập khẩu vào EU đã được đáp ứng. Khi tới EU, sản phẩm động vật và các chứng nhận đi kèm phải được cán bộ thú y của EU xác minh và kiểm tra tại Trạm kiểm tra biên giới. Sản phẩm cũng có thể bị kiểm tra thêm tại điểm tiêu thụ sản phẩm. Các biện pháp tự vệ (dưới hình thức "điều kiện nhập khẩu đặc biệt") có thể được áp dụng trong trường hợp xác định rõ được vấn đề liên quan đến nhập khẩu từ bất kỳ nước thứ ba nào.

Ngoài các quy định nêu trên, EU đã xây dựng quy định về kiểm soát, giám sát và xóa bỏ dịch bệnh ở động vật; về việc xác định và truy xuất nguồn gốc động vật như trâu bò; và về an sinh động vật.

Sức khỏe cây trồng

Ngoài những vấn đề về sức khỏe cây trồng công bố nghiêm ngặt, lĩnh vực này cũng bao gồm những vấn đề giống cây trồng và vật liệu nhân giống, thuốc trừ sâu, canh tác thực vật biến đổi gen và quyền sở hữu trí tuệ về cây trồng.

Chính sách hiện hành về lĩnh vực này đối với sức khỏe cây trồng và an ninh sinh học nêu trong Chỉ thị 2000/29/EC, dựa trên những quy định nêu trong Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế (IPPC). Quy định này hiện đang được rà soát. Để đạt được mức độ bảo vệ phù hợp, Chỉ thị:

- Quy định việc áp dụng đối với thực vật và sản phẩm thực vật vào EU đến từ các nước ngoài EU;
- Quy định việc di chuyển của thực vật và sản phẩm thực vật trong phạm vi EU;
- Áp dụng các biện pháp xóa bỏ và ngăn chặn khi xảy ra vụ việc; và đồng tài trợ cho các biện pháp này;
- Quy định nghĩa vụ của các nước ngoài EU muốn xuất khẩu thực vật hoặc sản phẩm thực vật sang EU.

Chỉ thị liệt kê các sinh vật gây hại có thể là đối tượng mà các biện pháp kiểm soát cụ thể sẽ hướng vào. Nếu một sinh vật gây hại bị phát hiện tại EU, nước liên quan phải:

- Thông báo cho Ủy ban và các nước EU khác;
- Xóa bỏ hoặc ngăn chặn sự lây lan của sinh vật gây hại này.

Các biện pháp kiểm soát tạm thời (khẩn cấp) có thể được EU áp dụng nếu nguy cơ đến từ các lô hàng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các đồ vật xuất xứ từ nước ngoài EU.

Một số thực vật, sản phẩm thực vật và các đồ vật khác vào EU thường phải có chứng nhận về kiểm dịch thực vật đảm bảo rằng sản phẩm:

- Được kiểm tra phù hợp;
- Qua kiểm dịch, không có nguy cơ bị nhiễm sinh vật gây hại và trên thực tế không bị nhiễm sinh vật gây hại khác;
- Phù hợp với quy định về sức khỏe cây trồng của nước nhập khẩu.

Cơ quan bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất khẩu cấp những chứng nhận này.

Tương tự như RASFF, có một hệ thống thông báo và cảnh báo nhanh – gọi tắt là EUROPHYT – nhằm bảo vệ sức khỏe cây trồng đối với các lô hàng thực vật và sản phẩm thực vật được nhập vào EU hoặc được lưu thông trong phạm vi khối EU.

Sinh vật biến đổi gen (GMOs)

Trong EU, các GMOs cần được cấp phép thì mới được sử dụng trong các sản phẩm thực phẩm và thức ăn gia súc, hoặc cây trồng. Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu, phối hợp với các nước thành viên EU, chịu trách nhiệm đánh giá rủi ro đối với mỗi hồ sơ xin cấp phép. Việc quản lý rủi ro và quy trình cấp phép do Ủy ban cùng với nước thành viên thực hiện, và quyết định cho phép được áp dụng với mọi nước thành viên EU. Tháng 3/2013, Ủy ban thông qua Quy định thực thi đối với những yêu cầu mà các công ty phải đáp ứng khi nộp hồ sơ xin phép sử dụng GMOs đối với thực phẩm/ thức ăn gia súc. Trong một số tình huống, các nước thành viên EU được phép hạn chế hoặc cấm tạm thời việc sử dụng và/ hoặc bán sản phẩm biến đổi gen (GM) được phép sử dụng ở cấp EU

trên lãnh thổ của nước thành viên. Sáu nước thành viên EU hiện hạn chế việc sử dụng (bao gồm cả bán) một số GMOs là: Áo, Pháp, Hy Lạp, Hung-ga-ry và Lúc-xăm-bua.

3.2.Chính sách thương mại trong nông nghiệp

Chính sách Nông nghiệp chung (CAP) của EU là một trong những chính sách lâu đời nhất – được thông qua năm 1962 – nhằm tăng nâng suất nông nghiệp, để người tiêu dùng có nguồn cung cấp ổn định lương thực giá cả phải chăng và đảm bảo rằng nông dân EU có thể đảm bảo cuộc sống ở mức hợp lý.

CAP đã trải qua cải cách nhiều lần. Từ khi WTO được thành lập, chính sách này có những thay đổi quan trọng nhằm thực hiện các cam kết thuộc Hiệp định Nông nghiệp trong WTO và Nghị định thư gia nhập tổ chức này. Ví dụ, cùng với thời gian, việc sử dụng trợ cấp xuất khẩu giảm dần. Ngoài ra, do đợt rà soát gần đây nhất vào năm 2013, các biện pháp trợ cấp thị trường đã bị thay thế bằng trợ cấp xanh được Hiệp định WTO cho phép sử dụng.

CAP có thể gồm 3 trụ cột chính: hỗ trợ thị trường, hỗ trợ thu nhập và phát triển nông thôn. Thanh toán trực tiếp đảm bảo một mạng lưới an toàn cho nông dân dưới hình thức hỗ trợ thu nhập, không gắn với sản xuất, bình ổn thu nhập của nông dân khi việc bán sản phẩm trên thị trường chịu sự biến động. Các biện pháp hỗ trợ giá nhằm đảm bảo ổn định trên thị trường. Cụ thể được thực hiện dưới hình thức:

- Can thiệp của nhà nước vào thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp;
- Tài trợ cho việc lưu kho tư nhân đối với ngũ cốc, gạo, dầu ô-liu và ô-liu bảng, thịt bò và thịt bê, sữa và sản phẩm sữa, thịt lợn, thịt cừu và thịt dê.

Các ngành cụ thể như đường, sữa và sản phẩm sữa, dầu ô-liu và ô-liu bảng, rau quả… có các chương trình hỗ trợ cụ thể;

Khi khủng hoảng, có thể áp dụng các biện pháp đặc biệt nhằm hỗ trợ thị trường.

Các loại biện pháp khác quy định trong CAP gồm xác định hạn ngạch sản xuất – với đường và sữa – và tiêu chuẩn tiếp thị đối với một số nông sản. Tiêu chuẩn này liên quan đến sản phẩm, ghi nhãn, lưu kho hay vận chuyển.

Nguồn: Tổng Vụ Nông nghiệp/ DG Agriculture

CAP được tài trợ trực tiếp từ ngân sách EU. Khoảng 40% ngân sách được đưa vào đây. Trợ cấp nông nghiệp hiện nay chiếm khoảng 1% tổng chi tiêu công của các nước thành viên EU.

Về thương mại quốc tế, EU là đối tác xuất khẩu nông sản lớn thứ hai. EU có cán cân thương mại thặng dư. Mặc dù khối này nhập khẩu nhiều nguyên liệu thô, như lúa mạch và đậu tương, EU chủ yếu xuất thành phần có giá trị cao như rượu vang và rượu mạnh, thịt chế biến, pho-mát, dầu ăn… Hơn 4 triệu lao động làm trong ngành sản xuất những thành phẩm này. EU là đối tác nhập khẩu lớn nhất thực phẩm, hơn 70% (khoảng 160 tỷ EUR) xuất xứ từ các nước đang phát triển. Về cơ bản, thuế nhập khẩu còn khá cao trong các ngành có sản xuất nội khối. Một số trường hợp, hạn ngạch thuế nhập khẩu được áp dụng. Đối với một số sản phẩm như ngũ cốc, phải

có giấy phép nhập khẩu. Xét trên khía cạnh xuất khẩu, phải có giấy phép xuất khẩu. Hoàn thuế xuất khẩu vẫn áp dụng đối với một vài sản phẩm.

3.3.Dệt may

Sau Trung Quốc, EU là cường quốc về sản xuất và kinh doanh hàng dệt may. Do khác biệt về chi phí lao động với các nước sản xuất lớn khác, EU tập trung cải thiện thế mạnh về năng suất và sức cạnh tranh như đổi mới kỹ thuật, chất lượng, tính sáng tạo, thiết kế và thời trang.

Ưu tiên chính sách thương mại của EU trong lĩnh vực dệt may bấy lâu nay nhằm tăng tiếp cận thị trường – bằng cách xử lý những rào cản hiện có thông qua nhiều phương tiện, như sử dụng Quy định về rào cản thương mại – sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại, khi xuất sang EU ở mức bán phá giá hoặc được trợ cấp, và cải thiện việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ thông qua đấu tranh chống làm giả làm nhái quyền tác giả, và vi phạm các quyền về nhãn hiệu, sáng chế và kiểu dáng công nghiệp. EU cũng tham gia đấu tranh chống gian lận, nhất là thông qua lách các biện pháp phòng vệ thương mại, hưởng quy chế GSP một cách bất hợp pháp, và kê khai xuất xứ EU đối với sản phẩm được sản xuất ở nơi khác.

Một Quy định được thông qua năm 2011 về đặt tên xơ sợi dệt và ghi nhãn mác liên quan về thành phần xơ sợi trong sản phẩm dệt. Quy định này đề ra điều kiện và quy tắc ghi nhãn hàng dệt được bán tại EU. Thông tin ghi thành phần hàng dệt phải sử dụng tên xơ sợi thống nhất. Quy định cũng đề ra các biện pháp nhằm kiểm tra xem thành phần sơ sợi của sản phẩm dệt có phù hợp với thông tin ghi trên nhãn mác không (chương về quản lý thị trường).

3.4.Sản phẩm hóa chất

Từ xưa, ngành hóa chất là một trong những ngành công nghiệp mạnh nhất tại EU. Số liệu của CEFIC cho thấy doanh số năm 2013 của sản phẩm hóa chất tại EU đạt 558 tỷ EUR, chỉ sau Trung Quốc. Tiếp theo là Hoa Kỳ với 526 tỷ EUR.

Ngành hóa chất EU sản xuất 4 nhóm sản phẩm hóa chất, đó là hóa chất cơ bản, hóa chất đặc biệt, dược phẩm và cuối cùng là hóa chất tiêu dùng. EU là nước xuất khẩu lớn sản phẩm hóa chất. Đồ thị bên phải cho thấy sự phân chia thương mại theo các vùng trên thế giới.

Source: CEFIC

Đồ thị dưới đây cho thấy các nhà sản xuất EU tiếp tục cạnh tranh rất mạnh trong sản xuất và bán một số nhóm sản phẩm hóa chất (được đánh dấu mầu xanh). Mặc dù vậy, trong những năm gần đây, thị phần của EU trong tổng thương mại sản phẩm hóa chất giảm đáng kể (từ 35% năm 1992 xuống 18% năm 2012).

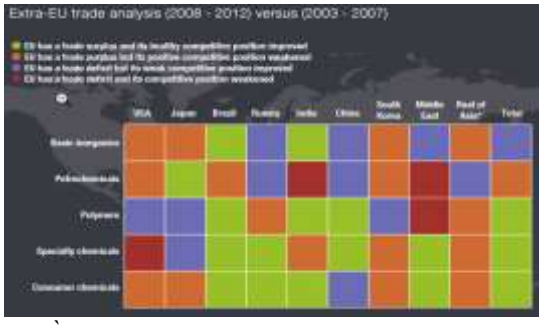

Nguồn: CEFIC

Ngành hóa chất được quy định chặt chẽ tại EU. Tổng Vụ Doanh nghiệp và Ngành hàng chịu trách nhiệm xây dựng quy định của ngành hàng cụ thể đối với hóa chất tại EU. Một trang/ page trên website của Tổng Vụ này dành riêng cho mảng này. Các quy định chính áp dụng chung cho sản phẩm hóa chất gồm Quy định về Đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế sử dụng hoá chất - Regulation on Registration, Evaluation, Authorisation and Restriction of Chemicals (REACH); Quy định về Phân loại, Ghi nhãn và Đóng gói các chất và hợp chất - Regulation on Classification, Labelling and Packaging of substances and mixtures (CLP); và Quy định đối với Sản phẩm bi-ô-xít - Biocidal Products Regulation (BPR). Có các văn bản quy phạm khác áp dụng với những sản phẩm cụ thể, như phân bón, chất tẩy rửa hoặc chất nổ. Cơ quan Hóa chất châu Âu (ECHA) đóng vai trò trung tâm trong thực thi các quy định REACH và CLP.

Các mục tiêu chính của Quy định REACH và CLP được trình bày dưới đây:

REACH	CLP
• Đảm bảo mức độ bảo vệ cao đối với sức khỏe con người và môi trường khỏi những nguy cơ do hóa chất gây ra • Thúc đẩy các phương pháp kiểm tra thay thế • Lưu thông tự do các chất trong thị trường nội khối • Tăng cường tính cạnh tranh và sự đổi mới	• Tạo thuận lợi thương mại quốc tế về hóa chất • Duy trì mức bảo vệ hiện hành đối với sức khỏe con người và môi trường

Website của ECHA dành các trang cụ thể để giải thích từng văn bản quy phạm chính trên: REACH, CLP và BPR. Việc tuân thủ quy định trong những văn bản quy phạm này phải chứng minh được các sản phẩm hóa chất có thể đưa vào thị trường EU.

3.5.Sản phẩm công nghệ thông tin (IT)

Sản phẩm IT gồm 5 nhóm sản phẩm khác nhau: máy tính và thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông, linh kiện điện tử, thiết bị đo lường điện tử, và cuối cùng là hàng điện tử dân dụng. Từ xưa, đây vốn là ngành hàng thế mạnh của các công ty châu Âu. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, EU đã mất thị phần cho Hoa Kỳ và các nước châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

Ở cấp quốc tế, cuối thập niên 90, EU ủng hộ việc đàm phán và ký kết Hiệp định Công nghệ thông tin (ITA). Do đó, thuế suất áp dụng cho thương mại trong hầu hết các sản phẩm này đã bị xóa bỏ. Tổng số thuế nhập khẩu được loại bỏ trong ITA ước tính là 1.6 nghìn tỷ UDS năm 2013.

Với những phát triển về công nghệ mới, từ năm 2012, đã có nhiều nỗ lực mở rộng ITA để bao gồm thêm khoảng 200 sản phẩm, bao gồm nhiều thiết bị thông tin liên lạc, dữ liệu và y tế thế hệ mới. EU nhìn chung ủng hộ bước chuyển này; tuy nhiên khối này yêu cầu rằng đàm phán cũng cần giải quyết các rào cản phi thuế gây ảnh hưởng tới thương mại trong những sản phẩm này.

"Ước tính ITA mở rộng sẽ cắt giảm thuế đối với khoảng 1 nghìn tỷ USD giá trị thương mại hàng năm và nhờ vậy thúc đẩy đáng kể kinh tế trên toàn thế giới. Quan trọng là điều này sẽ có lợi cho mọi nước thành viên WTO, chứ không chỉ nước thành viên ITA, vì cắt giảm thuế sẽ áp dụng trên cơ sở đa phương." WTO

3.6.Dịch vụ

Dịch vụ là ngành kinh tế đóng góp chính vào việc tạo ra sự phồn thịnh trong EU. Ngành dịch vụ chiếm khoảng ¾ GDP của EU. Trên ¾ công ăn việc làm tại EU thuộc ngành dịch vụ.

Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa nhìn chung cao từ 2-3 lần giá trị dịch vụ. Có cơ sở để cho rằng trong thời gian tới, mức độ thương mại quốc tế trong dịch vụ sẽ tăng lên. Vì thế, phát triển công nghệ đã làm tăng khả năng truy xuất nguồn gốc của một số dịch vụ, như tạo thuận lợi cho các dịch vụ sử dụng internet.

3.6.1. Thương mại dịch vụ nội khối

Tự do hóa thương mại dịch vụ là một phần của thị trường thống nhất EU. Văn bản pháp quy chính xây dựng HIệp định là Chỉ thị về Dịch vụ được chuyển thành luật quốc gia tại 28 nước thành viên.

Hiệp ước quy định rằng:
"... thị trường nội khối là một khu vực không có biên giới nội bộ nhằm đảm bảo sự di chuyển tự do của hàng hóa, người, dịch vụ và vốn..."
"Nghiêm cấm việc hạn chế tự do cung cấp dịch vụ trong phạm vi Liên minh..."

Phạm vi quy định của Chỉ thị Dịch vụ

- Thương mại phân phối: bán buôn, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
- Hoạt động của các ngành nghề theo quy định: kiến trúc sư, tư vấn luật và thuế, kỹ sư, kế toán, điều tra…
- Dịch vụ xây dựng và thủ công
- Dịch vụ liên quan đến doanh nghiệp: bảo trì văn phòng, tư vấn về quản lý, tổ chức sự kiện, thu hồi nợ…
- Du lịch
- Giải trí
- Xã hội thông tin
- Ăn ở: khách sạn, nhà hàng…
- Vv…

- Viễn thông
- Tài chính
- Giao thông
- Nghe nhìn
- Đánh bạc

Mục tiêu chính của Chỉ thị là dỡ bỏ những rào cản pháp lý và hành chính đối với thương mại dịch vụ, vì thế khuyến khích phát triển các hoạt động qua biên giới. Một đặc điểm chính của Chỉ thị này là cấm phân biệt đối xử chống lại người tiêu dùng dịch vụ EU liên quan đến quốc tịch hoặc quốc gia cư trú của người tiêu dùng.

Chỉ thị quy định các nước thành viên EU thiết lập "một cửa duy nhất" nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc cung cấp thông tin về cung ứng dịch vụ ở nước ngoài. Một ví dụ về "một cửa" như vậy là Trung tâm Dịch vụ châu Âu của Anh, có website được thể hiện trong hộp dưới đây. Trung tâm này cung cấp thông tin nhằm tạo thuận lợi và hỗ trợ việc mua dịch vụ tại một nước thành viên EU ngoài Anh.

3.6.2. Thương mại dịch vụ ngoài khối

Quy định của Chỉ thị Dịch vụ không áp dụng cho bên xuất khẩu thuộc nước thứ ba. Thương mại dịch vụ của EU với các nước khác trên thế giới được điều chỉnh bởi GATS hoặc các hiệp định thương mại khu vực. Trong khi Ủy ban châu Âu đưa ra một biểu cam kết dịch vụ thống nhất áp dụng cho EU và đàm phán về biểu này với tư cách là một khối, mức độ tự do hóa theo ngành và phương thức cung cấp tại mỗi nước thành viên EU thường được xác định ở cấp quốc gia.

Mục tiêu và phạm vi áp dụng
1. Các bên, tái khẳng định cam kết của mình trong Hiệp định WTO, và để tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế, phát triển bền vững và không ngừng hội nhập vào kinh tế toán cầu, cũng như tính tới sự khác biệt về mức độ phát triển của các bên, thiết lập ở đây những quy định cần thiết nhằm tự do hóa dần cơ sở và thương mại dịch vụ và hợp tác về thương mại điện tử…
FTA giữa EU với Cô-lôm-bi-a & Pê-ru/ EU-Colombia & Peru FTA, Điều 107

Đối tác dịch vụ chính của EU là Hoa Kỳ, Thụy Sỹ, Nhật Bản, Nga và Trung Quốc. Năm 2012, hơn 2/3 xuất khẩu (chiếm 67.7%) và nhập khẩu (70%) của EU thuộc 3 nhóm: giao thông, du lịch và các dịch vụ doanh nghiệp khác.

3.7.Quyền sở hữu trí tuệ

EU cho rằng bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ (IPRs) hết sức quan trọng để có thể khuyến khích sáng tạo và cạnh tranh trong kinh tế toàn cầu. Đối với EU, với tư cách là một nền kinh tế dựa trên tri thức, IPRs nhìn chung được xem là xương sống của nền kinh tế và động lực chính cho sự tăng trưởng. Một trong những mục tiêu của EU là tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở các nước thứ ba.

Hiệp ước quy định rằng:
"…nhằm hình thành các quyền sở hữu trí tuệ châu Âu để bảo hộ đồng bộ quyền sở hữu trí tuệ và nhằm thiết lập các cơ chế ủy quyền, điều phối và giám sát tập trung hóa trên toàn Liên minh"

Mặc dù chưa hoàn thiện, EU đã xây dựng và cập nhật định kỳ một hệ thống đồng bộ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, từ sở hữu công nghiệp tới nhãn hiệu, quyền tác giả và các quyền liên quan. Hơn 18 văn bản pháp quy cơ bản hiện áp dụng ở cấp EU. Mục tiêu là nhằm thiết lập một khung khổ chặt chẽ và toàn diện nhằm đảm bảo mức độ bảo hộ cao sở hữu trí tuệ, và có tính tới sự đa dạng về văn hóa.

Ngoài ra, các văn bản pháp quy khác đã được thông qua ở cấp EU về vấn đề thực thi IPRs, bao gồm Chỉ thị về Thực thi IPRs. Có cả quy định cụ thể về thương mại điện tử. Bên cạnh đó, các công ty, hiệp hội thương mại và diễn đàn internet của EU đã ký một biên bản ghi nhớ để xây dựng các thông lệ tốt nhằm đấu tranh chống lại việc bán hàng giả qua internet.

Một lô hàng thuốc gốc của Losartan Potassium, được sản xuất ở Ấn Độ và chuyển đến Bra-xin, bị bắt khi quá cảnh tại Sân bay Schipol, Hà Lan, vào tháng 12/2008 và sau đó bị trả về nước xuất xứ. Cơ quan Hà Lan bắt lô hàng theo Quy định EC số 1383/2003. Căn cứ vào khiếu nại nghi ngờ có vi phạm từ phía chủ sở hữu bằng sáng chế (hoặc chứng nhận bảo hộ bổ sung), trong vòng 2 năm qua, cơ quan hải quan Hà Lan đã bắt một số lượng lớn lô hàng thuốc gốc từ Ấn Độ quá cảnh qua Hà Lan, bao gồm cả lô hàng nêu trên của Losartan Potassium chuyển đến Bra-xin.

Các nước thành viên EU chịu trách nhiệm trực tiếp đảm bảo việc thực thi. Ngoài ra, một số cơ quan EU – bao gồm các Vụ của Ủy ban châu Âu, Cơ quan Hài hòa hóa thị trường nội khối và Cơ quan Sáng chế châu Âu – cũng có trách nhiệm quan trọng. Trong hầu hết các trường hợp, cơ quan hải quan thực thi theo đơn của chủ thể quyền. Tuy nhiên, hải quan cũng có thể mặc nhiên thực thi nếu có đủ cơ sở nghi vấn rằng hàng hóa vi phạm IPR. Hộp này trình bày một trong nhiều hoạt động, trường hợp này là về sản phẩm thuốc quá cảnh, do EU và các nước thành viên thực hiện nhằm thực thi luật sáng chế của EU trong lĩnh vực này.

EU, đơn phương lẫn thông qua các hiệp định song phương, khu vực và đa phương, đấu tranh chống lại tình trạng làm giả, nhái. Những điều khoản chi tiết về IPR, nhất là biện pháp thực thi và tại cửa khẩu, nêu trong các hiệp định thương mại tự do được EU đàm phán hoặc ký kết gần đâu. EU tuyên bố mục tiêu là nhằm đảm bảo cách tiếp cận cân bằng nhằm đạt được cấp độ tương tự như cấp độ trong EU, đồng thời cần xem xét công nhận trình độ phát triển của các đối tác.

1. Không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ theo Hiệp định TRIPS, và nhất là Phần III của Hiệp định này, mỗi bên quy định các biện pháp, quy trình và biện pháp khắc phục nêu trong Chương này, vốn cần thiết để đảm bảo thực thi quyền sở hữu trí tuệ như quy định tại Điều 196, phân đoạn 5(a) tới 5(i).
FTA giữa EU với Cô-lôm-bi-a & Pê-ru/ EU-Colombia & Peru FTA, Điều 234

3.8.Tác động của các chính sách ngành tới Việt Nam

Các nhà sản xuất Việt Nam mong muốn tiếp cận thị trường EU phải nắm rõ quy định ngành của EU áp dụng với sản phẩm cụ thể mà họ định xuất khẩu. Quy định cụ thể áp dụng với một sản phẩm cụ thể qua tham khảo mục "Hàng xuất khẩu của tôi" trên website EU Export Helpdesk. Vì thường xuyên có thay đổi về môi trường pháp lý, các nhà xuất khẩu phải kiểm tra thường xuyên xem những quy định này là gì.

Cơ chế thông tin thường xuyên cho các bên về những thay đổi trong môi trường pháp lý thường được quy định trong các FTA. Ngoài ra, cơ chế cụ thể - như hiệp định về công nhận lẫn nhau đối với việc đánh giá sự phù hợp – nhằm tạo thuận lợi thương mại giữa các bên cũng thường quy định trong các FTA. Những ủy ban sẽ được thành lập và nhóm họp thường xuyên để thảo luận và giải quyết những vấn đề có thể cản trợ thương mại song phương. Mọi biện pháp này phải góp phần tạo thuận lợi để các nhà sản xuất Việt Nam tiếp cận được thị trường EU.

4. KHÍA CẠNH PHÁT TRIỂN TRONG CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CHUNG CỦA EU

Hỗ trợ các nước đang phát triển được hưởng lợi từ thị trường toàn cầu mở là một phần quan trọng trong chiến lược giảm nghèo toàn cầu dài hạn của EU, được thực hiện song song với việc giảm nợ và viện trợ phát triển chung. Như Hiệp ước Lisbon đã nêu, hỗ trợ nỗ lực của các nước đang phát triển nhằm xóa đói nghèo là mục tiêu chính của chính sách phát triển và là ưu tiên trong chính sách ngoại giao của EU vì một thế giới ổn định và thịnh vượng. Chính sách phát triển cũng giúp giải quyết những thách thức toàn cầu khác và đóng góp vào Chiến lược tới năm 2020 của EU. Tăng thương mại và đầu tư là phần then chốt của chiến lược này. Thương mại có thể tạo ra sự khác biệt trên nhiều khía cạnh của phát triển, xóa đói giảm nghèo, an ninh lương thực, trao quyền cho phụ nữ, biến đổi khí hậy và phát triển bền vững.

Dựa trên số liệu năm 2011, EU cùng với các nước thành viên khẳng định vị trí của mình là bên cung cấp viện trợ cho thương mại (AfT) lớn nhất trên thế giới, chiếm 32% tổng AfT toàn cầu với giá trị cam kết là 9.5 tỷ EUR. Châu Á là bên nhận hỗ trợ lớn thứ hai, sau châu Phi.